

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
CHO NĂM TÀI CHÍNH KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2013

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 5
3. Báo cáo kiểm toán	6 - 7
4. Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013	8 - 11
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất năm 2013	12
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất năm 2013	13 - 14
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất năm 2013	15 - 54

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

Khái quát về Tập đoàn Công ty Cổ phần Sông Đà 11

Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tiền thân là Doanh nghiệp Nhà nước được cổ phần hóa theo Quyết định số 1332/QĐ-BXD ngày 17 tháng 8 năm 2004 của Bộ trưởng Bộ Xây dựng. Công ty đang hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10 số 0500313811 ngày 30 tháng 12 năm 2013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp được chuyển đổi từ giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0303000212 ngày 21 tháng 9 năm 2004 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Hà Tây cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã 10 lần được Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh.

Vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh thay đổi lần thứ 10:

Cổ đông	Vốn góp (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng công ty Sông Đà	31.030.000.000	26,86%
Các cổ đông khác	84.501.050.000	73,14%
Cộng	115.531.050.000	100%

Trụ sở hoạt động

Địa chỉ : Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội.

Điện thoại : 04 33 545 735

Fax : 04 33 542 280

Mã số thuế : 0500313811

Các đơn vị trực thuộc:

Tên đơn vị	Địa chỉ
Chi nhánh Sông Đà 11.1	Tiểu khu 6, thị trấn Ít Ong, huyện Mường La, tỉnh Sơn La
Chi nhánh Sông Đà 11.5	Phường Hà Khánh, thành phố Hạ Long, Quảng Ninh
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11.7	Xã Hòa Sơn, huyện Lương Sơn, tỉnh Hòa Bình
Chi nhánh Sông Đà 11.9	Xã Hồ Bồn, huyện Mù Căng Chải, tỉnh Yên Bái
Nhà máy thủy điện Thác Trắng	Xã Nà Nhạn, huyện Điện Biên, tỉnh Điện Biên
Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại miền Nam	Lô 74-76C, KP 3, phường Long Bình Tân, Thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai

Ngành nghề kinh doanh của Công ty theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là:

- ✓ Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy ngành công nghiệp hóa chất, khai khoáng
- ✓ Xây dựng công trình kỹ thuật dân dụng khác:
 - Xây dựng các công trình: Thủy điện, thủy lợi, giao thông và bưu điện;
 - Xây lắp hệ thống đường dây tải điện, trạm biến áp đến cấp điện áp đến 500 KV; xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp; xây lắp kết cấu công trình;
 - Kinh doanh xây dựng các khu đô thị, nhà cao tầng, khu công nghiệp;

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Xây dựng và lắp đặt các nhà máy xử lý nước sạch và xử lý nước thải; xây dựng các nhà máy thủy điện;
- ✓ Sản xuất, truyền tải và phân phối điện. Chi tiết: Quản lý vận hành phân phối điện nước cho các công trình; quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị; quản lý vận hành kinh doanh bán điện; Sản xuất, kinh doanh điện thương phẩm;
- ✓ Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại. Chi tiết: Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí;
- ✓ Kiểm tra và phân tích kỹ thuật. Chi tiết: Bảo trì, bảo dưỡng định kỳ cho các nhà máy điện, trạm biến áp, xử lý sự cố bất thường cho các công trình điện, tư vấn chuyên ngành thiết kế hệ thống điện - điện tử và tự động hóa;
- ✓ Khai thác đá, cát, sỏi, đất sét. Chi tiết: Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng;
- ✓ Vận tải hành khách đường bộ khác. Chi tiết: Kinh doanh vận tải và dịch vụ du lịch: vận tải hàng hóa đường bộ;
- ✓ Lắp đặt hệ thống điện. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống cơ điện lạnh, điện chiếu sáng của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Lắp đặt hệ thống cấp, thoát nước, lò sưởi và điều hòa không khí. Chi tiết: Lắp đặt hệ thống thông gió, điều hòa thông tin và điều khiển của các tòa nhà cao tầng, khu đô thị và khu công nghiệp;
- ✓ Bán buôn vật liệu, thiets bị lắp đặt khác trong xây dựng. Chi tiết: Cung cấp, mua bán, lắp đặt các thiết bị phòng cháy chữa cháy và hệ thống phòng cháy chữa cháy.
- ✓ Lắp đặt hệ thống xây dựng khác. Chi tiết: Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng lắp ráp: Tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và cho các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- ✓ Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết:
 - Hoạt động kinh doanh bất động sản;
 - Dịch vụ quản lý, vận hành cơ sở hạ tầng, khu đô thị và nhà cao tầng;
- ✓ Hoạt động dịch vụ hỗ trợ kinh doanh khác còn lại chưa được phân vào đầu. Chi tiết: Xuất khẩu các mặt hàng công ty kinh doanh (trừ các mặt hàng Nhà nước cấm); Kinh doanh xuất nhập khẩu vật tư thiết bị, phương tiện vận tải cơ giới, phụ tùng cơ giới phục vụ thi công xây dựng và công nghệ xây dựng;
- ✓ Sản xuất bia và mạch nha ủ men bia. Chi tiết: Sản xuất và kinh doanh bia (bia hơi, bia tươi, bia chai và bia hộp).

Các công ty con:

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh	Tỷ lệ sở hữu
Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long	BT3 – Vị trí 24, Khu đô thị mới Xa La, phường Phúc La, quận Hà Đông, thành phố Hà Nội	Số 0106408857 ngày 31 tháng 12 năm 2013	100%
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bướng	Bản Tin Tộc, Xã Tú Nang, huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	Số 5500378582 thay đổi lần thứ 5 ngày 04 tháng 09 năm 2013	70%

Những ảnh hưởng quan trọng đến tình hình hoạt động của Công ty

Ngày 24 tháng 6 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty đã thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ về phương án:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

- Thực hiện thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà, Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II, Công ty Cổ phần Sông Đà – Hà Nội.
- Thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Kết thúc năm tài chính, Công ty đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long thành công ty con sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Đầu tư Xây lắp Sông Đà 11 thành đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành tăng thêm 3.556.208 cổ phiếu hoán đổi. Đồng thời, Công ty cũng hoàn thành việc thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà và Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà.

Tình hình tài chính và hoạt động kinh doanh

Tình hình tài chính hợp nhất tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày của Tập đoàn được trình bày trong Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm báo cáo này (từ trang 8 đến trang 54).

Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc năm tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 khẳng định không có sự kiện nào phát sinh sau ngày 31 tháng 12 năm 2013 cho đến thời điểm lập báo cáo này mà chưa được xem xét điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính hợp nhất.

Hội đồng quản trị và Ban điều hành, quản lý

Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Bạch Dương	Chủ tịch	21 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Văn Sơn	Ủy viên	21 tháng 4 năm 2010
Ông Trần Văn Ngu	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012
Ông Phạm Lạp	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012
Ông Dương Hoài Nam	Ủy viên	27 tháng 4 năm 2012

Ban kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Quang Phương	Trưởng ban	24 tháng 6 năm 2013	
Ông Đặng Anh Vinh	Trưởng ban	21 tháng 4 năm 2010	24 tháng 6 năm 2013
Ông Đặng Xuân Thư	Thành viên	21 tháng 4 năm 2010	
Ông Nguyễn Vũ Hải	Thành viên	27 tháng 4 năm 2012	

Ban Tổng Giám đốc

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sơn	Tổng Giám đốc	29 tháng 4 năm 2010
Ông Nguyễn Hữu Hải	Phó Tổng Giám đốc	24 tháng 11 năm 2011
Ông Nguyễn Mạnh Hà	Phó Tổng Giám đốc	15 tháng 3 năm 2006
Ông Phạm Lạp	Phó Tổng Giám đốc	18 tháng 8 năm 2010

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính hợp nhất phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Tập đoàn. Trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất này, Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả những sai lệch trọng yếu so với những chuẩn mực này đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính hợp nhất;
- Lập Báo cáo tài chính hợp nhất trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Tập đoàn sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu để đảm bảo việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo rằng, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất; các số kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phân ánh tại bất kỳ thời điểm nào, với mức độ chính xác hợp lý tình hình tài chính của Tập đoàn và Báo cáo tài chính hợp nhất được lập tuân thủ các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Tập đoàn và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính hợp nhất đính kèm. Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và các công ty con tại thời điểm ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

Ngày 18 tháng 3 năm 2014



**BAKER TILLY
A&C**

**CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ TƯ VẤN A&C
A&C AUDITING AND CONSULTING CO., LTD.**



Headquarters

: 2 Trung Son St., W. 2, Tan Binh Dist., Ho Chi Minh City
Tel: (84.8) 3 5472972 - Fax: (84.8) 3 5472970

Branch in Ha Noi

: 40 Giang Vo St., Dong Da Dist., Ha Noi City

Branch in Nha Trang: 18 Tran Khanh Du St., Nha Trang City

Branch in Can Tho : 162C/4 Tran Ngoc Que St., Can Tho City

www.a-c.com.vn

Số: 131/2014/BCTC-KTTV-KT1

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11**

Chúng tôi đã kiểm toán Báo cáo tài chính hợp nhất kèm theo của Công ty Cổ phần Sông Đà 11, được lập ngày 18 tháng 3 năm 2014, từ trang 8 đến trang 54, bao gồm Bảng cân đối kế toán hợp nhất tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ hợp nhất cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính hợp nhất dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính hợp nhất. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính hợp nhất do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính hợp nhất.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính hợp nhất đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và các công ty con tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính hợp nhất..

Báo cáo được lập bằng tiếng Việt và tiếng Anh có giá trị như nhau. Bản tiếng Việt là bản gốc khi cần đối chiếu.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C
Chi nhánh Hà Nội



Nguyễn Hoàng Đức - Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0368-2013-008-1

Hoàng Thị Việt - Kiểm toán viên

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 0374-2013-008-1

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN		100		725.335.628.712	668.796.543.685
I.	Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	76.062.872.703	52.761.033.956
1.	Tiền	111		76.062.872.703	52.761.033.956
2.	Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II.	Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120		18.882.000.000	18.672.000.000
1.	Đầu tư ngắn hạn	121	V.2	19.452.000.000	19.452.000.000
2.	Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn	129	V.3	(570.000.000)	(780.000.000)
III.	Các khoản phải thu ngắn hạn	130		397.933.832.432	392.817.473.620
1.	Phải thu khách hàng	131	V.4	375.427.679.090	336.917.906.004
2.	Trả trước cho người bán	132	V.5	25.203.216.279	40.741.263.958
3.	Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4.	Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5.	Các khoản phải thu khác	135	V.6	6.331.919.791	15.955.798.090
6.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	139	V.7	(9.028.982.728)	(797.494.432)
IV.	Hàng tồn kho	140		200.463.408.812	175.125.081.966
1.	Hàng tồn kho	141	V.8	200.463.408.812	175.125.081.966
2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		-	-
V.	Tài sản ngắn hạn khác	150		31.993.514.765	29.420.954.143
1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.9	150.664.921	176.174.811
2.	Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		3.202.994.040	1.069.496.296
3.	Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	154	V.10	273.788.728	-
4.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	157		-	-
5	Tài sản ngắn hạn khác	158	V.11	28.366.067.076	28.175.283.036

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

TÀI SẢN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN		200		166.617.031.847	189.584.877.891
I.	Các khoản phải thu dài hạn	210		10.361.936.310	8.833.427.162
1.	Phải thu dài hạn của khách hàng	211	V.12	10.361.936.310	8.833.427.162
2.	Vốn kinh doanh ở các đơn vị trực thuộc	212	-	-	-
3.	Phải thu dài hạn nội bộ	213	-	-	-
4.	Phải thu dài hạn khác	218	-	-	-
5.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219	-	-	-
II.	Tài sản cố định	220		147.404.880.542	151.991.633.233
1.	Tài sản cố định hữu hình	221	V.13	119.590.811.720	126.015.493.441
	Nguyên giá	222		194.814.908.864	192.387.842.628
	Giá trị hao mòn lũy kế	223		(75.224.097.144)	(66.372.349.187)
2.	Tài sản cố định thuê tài chính	224	-	-	-
	Nguyên giá	225	-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	226	-	-	-
3.	Tài sản cố định vô hình	227	V.14	5.299.591.625	5.472.538.661
	Nguyên giá	228		6.827.290.426	6.827.290.426
	Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.527.698.801)	(1.354.751.765)
4.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	230	V.15	22.514.477.197	20.503.601.131
III.	Bất động sản đầu tư	240	-	-	-
	Nguyên giá	241	-	-	-
	Giá trị hao mòn lũy kế	242	-	-	-
IV.	Các khoản đầu tư tài chính dài hạn	250		5.000.000.000	24.927.715.405
1.	Đầu tư vào công ty con	251	-	-	-
2.	Đầu tư vào công ty liên kết, liên doanh	252	V.16	-	19.927.715.405
3.	Đầu tư dài hạn khác	258		5.000.000.000	5.000.000.000
4.	Dự phòng giảm giá đầu tư tài chính dài hạn	259	-	-	-
V.	Tài sản dài hạn khác	260		3.295.214.995	2.537.102.091
1.	Chi phí trả trước dài hạn	261	V.17	3.254.646.072	2.521.102.091
2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	262	V.18	30.068.923	-
3.	Tài sản dài hạn khác	268	V.19	10.500.000	16.000.000
VI.	Lợi thế thương mại	269	V.20	555.000.000	1.295.000.000
TỔNG CỘNG TÀI SẢN		270		891.952.660.559	858.381.421.576

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

NGUỒN VỐN		Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A - NỢ PHẢI TRẢ		300		642.589.938.209	609.737.747.868
I. Nợ ngắn hạn		310		593.951.283.191	559.821.470.033
1.	Vay và nợ ngắn hạn	311	V.21	162.361.768.611	147.169.454.836
2.	Phải trả người bán	312	V.22	186.942.543.532	173.608.889.523
3.	Người mua trả tiền trước	313		63.154.286.617	70.368.395.724
4.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	314	V.23	42.984.827.543	35.386.290.199
5.	Phải trả người lao động	315		28.923.652.926	43.530.083.844
6.	Chi phí phải trả	316	V.24	40.632.564.292	39.861.355.173
7.	Phải trả nội bộ	317	-	-	-
8.	Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	318	-	-	-
9.	Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	319	V.25	66.994.026.829	45.877.794.733
10.	Dự phòng phải trả ngắn hạn	320		-	2.655.465.046
11.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	323	V.26	1.957.612.841	1.363.740.955
12.	Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	327	-	-	-
II. Nợ dài hạn		330		48.638.655.018	49.916.277.835
1.	Phải trả dài hạn người bán	331	V.27	21.698.897.441	15.754.212.109
2.	Phải trả dài hạn nội bộ	332	-	-	-
3.	Phải trả dài hạn khác	333	V.28	2.058.000.000	2.500.000.000
4.	Vay và nợ dài hạn	334	V.29	23.478.393.197	30.646.829.259
5.	Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	335	-	-	-
6.	Dự phòng trợ cấp mất việc làm	336	-	-	-
7.	Dự phòng phải trả dài hạn	337	-	-	-
8.	Doanh thu chưa thực hiện	338	V.30	1.403.364.380	1.015.236.467
9.	Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	339	-	-	-
B - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU		400		248.162.722.350	192.250.422.211
I. Vốn chủ sở hữu		410	V.31	248.162.722.350	192.250.422.211
1.	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411		115.531.050.000	79.968.970.000
2.	Thặng dư vốn cổ phần	412		42.587.700.408	32.546.580.408
3.	Vốn khác của chủ sở hữu	413	-	-	-
4.	Cổ phiếu quỹ	414		(128.058.585)	(128.058.585)
5.	Chênh lệch đánh giá lại tài sản	415	-	-	-
6.	Chênh lệch tỷ giá hối đoái	416	-	-	-
7.	Quỹ đầu tư phát triển	417		59.923.331.575	41.999.284.819
8.	Quỹ dự phòng tài chính	418		7.799.043.531	4.694.959.399
9.	Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	419	-	-	-
10.	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	420		22.449.655.421	33.168.686.170
11.	Nguyên vốn đầu tư xây dựng cơ bản	421	-	-	-
12.	Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	422	-	-	-
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác		430		-	-
1.	Nguồn kinh phí	432	-	-	-
2.	Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	433	-	-	-
C - LỢI ÍCH CỔ ĐÔNG THIỂU SỐ		439	V.32	1.200.000.000	56.393.251.497
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN		440		891.952.660.559	858.381.421.576

Báo cáo này phải được đọc cùng với Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bảng cân đối kế toán tổng hợp (tiếp theo)

CÁC CHỈ TIÊU NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Số cuối năm		Số đầu năm	
		V.33		8.092.639.768	
1. Tài sản thuê ngoài		-		-	
2. Vật tư, hàng hóa nhận giữ hộ, nhận gia công		-		-	
3. Hàng hóa nhận bán hộ, nhận ký gửi, ký cược		-		-	
4. Nợ khó đòi đã xử lý		-		8.092.639.768	
5. Ngoại tệ các loại:					
Dollar Mỹ (USD)		482,01		-	
LAK		500.001,00		-	
6. Dự toán chi sự nghiệp, dự án		-		-	

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Kế toán trưởng

Người lập biểu

Tổng Giám đốc



Trần Văn Ngư

Nguyễn Văn Sơn

Phạm Thị Dung

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

Năm 2013

CHỈ TIÊU		Mã	Thuyết số	minh	Năm nay	Năm trước	Đơn vị tính: VND
1.	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VI.1		870.840.352.763	874.497.688.136	
2.	Các khoản giảm trừ doanh thu	02			-	-	
3.	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	VI.1		870.840.352.763	874.497.688.136	
4.	Giá vốn hàng bán	11	VI.2		755.640.140.430	753.753.596.758	
5.	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20			115.200.212.333	120.744.091.378	
6.	Doanh thu hoạt động tài chính	21	VI.3		1.786.248.263	3.654.624.003	
7.	Chi phí tài chính	22	VI.4		27.342.421.344	32.701.670.327	
	Trong đó: chi phí lãi vay	23			21.264.805.958	28.841.047.494	
8.	Chi phí bán hàng	24			-	-	
9.	Chi phí quản lý doanh nghiệp	25	VI.5		68.391.657.392	58.727.863.558	
10.	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30			21.252.381.860	32.969.181.496	
11.	Thu nhập khác	31	VI.6		2.770.665.935	4.472.331.236	
12.	Chi phí khác	32	VI.7		3.512.726.201	2.595.924.586	
13.	Lợi nhuận khác	40			(742.060.266)	1.876.406.650	
14.	Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh	45			841.717.654	1.945.561.110	
14.	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50			21.352.039.248	36.791.149.256	
15.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51			6.015.054.138	4.566.656.577	
16.	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	VI.8		(30.068.923)	-	
17.	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60			15.367.054.033	32.224.492.679	
18.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số	61			-	7.133.434.777	
18.	Lợi nhuận sau thuế của cổ đông của công ty mẹ	62	V.31		15.367.054.033	25.091.057.902	
18.	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VI.9		1.331	3.140	

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc

Phạm Thị Dung

Trần Văn Ngự

Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

(Theo phương pháp gián tiếp)

Năm 2013

CHỈ TIÊU		Mã Thuyết số	Năm nay	Năm trước	Đơn vị tính: VND
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh					
1.	Lợi nhuận trước thuế	01	21.352.039.248	36.791.149.256	
2.	Điều chỉnh cho các khoản:				
-	Khấu hao tài sản cố định	02	13.475.195.840	13.820.108.331	
-	Các khoản dự phòng	03	8.021.488.296	987.825.129	
-	Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái chưa thực hiện	04	(7.344.377)	-	
-	Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05	3.018.614.963	(1.016.976.496)	
-	Chi phí lãi vay	06	21.264.805.958	28.841.047.494	
3.	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				
	trước thay đổi vốn lưu động	08	67.124.799.928	79.423.153.714	
-	Tăng, giảm các khoản phải thu	09	(9.061.039.105)	(30.287.854.482)	
-	Tăng, giảm hàng tồn kho	10	(65.429.746.364)	33.620.747.621	
-	Tăng, giảm các khoản phải trả	11	54.355.459.341	(19.034.247.029)	
-	Tăng, giảm chi phí trả trước	12	571.790.741	3.063.867.471	
-	Tiền lãi vay đã trả	13	(21.265.849.238)	(28.679.742.284)	
-	Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	14	(6.713.829.089)	(3.662.939.582)	
-	Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	15	2.273.398.117	1.503.307.656	
-	Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	16	(1.147.045.000)	(3.133.729.152)	
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh		20	20.707.939.331	32.812.563.933	

II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư

1.	Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21	(9.455.395.116)	(6.441.966.540)
2.	Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22	944.485.091	1.037.636.364
3.	Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23	-	-
4.	Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	-	-
5.	Tiền chi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	25	-	-
6.	Tiền thu hồi đầu tư, góp vốn vào đơn vị khác	26	17.858.750.000	2.200.000.000
7.	Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	2.448.350.000	125.211.132
	Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	11.796.189.975	(3.079.119.044)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà hỗn hợp Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ tổng hợp (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã Thuyết số	Mã Thuyết	
		Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận góp vốn của chủ sở hữu	31	-	-
2. Tiền chi trả góp vốn cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32	-	-
3. Tiền vay ngắn hạn, dài hạn nhận được	33	284.115.374.813	323.704.248.900
4. Tiền chi trả nợ gốc vay	34	(276.091.497.100)	(324.112.185.820)
5. Tiền chi trả nợ thuế tài chính	35	-	-
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(17.211.045.250)	(16.672.744.182)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(9.187.167.537)	(17.080.681.102)
Lưu chuyển tiền thuần trong năm	50	23.316.961.769	12.652.763.787
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	40.108.270.169
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	(15.123.022)	-
Tiền và tương đương tiền cuối năm	70	V.1	52.761.033.956

Người lập biểu



Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng



Trần Văn Ngự

Lập, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Năm 2013

Báo cáo tài chính hợp nhất của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013 bao gồm báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (Công ty mẹ) và các Công ty con (gọi chung là Tập đoàn).

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA TẬP ĐOÀN

1. Hình thức sở hữu vốn của Công ty mẹ: Công ty Cổ phần

2. Lĩnh vực kinh doanh : Sản xuất, xây dựng

3. Hoạt động kinh doanh chính:

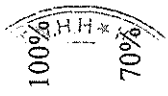
- Xây dựng các công trình thủy điện, thủy lợi, giao thông bưu điện;
- Quản lý, vận hành, phân phối điện nước cho các công trình;
- Xây lắp hệ thống cấp thoát nước đô thị và khu công nghiệp, đường dây tải điện trạm biến áp đến cấp điện áp 500 KV, kết cấu công trình, quản lý vận hành nhà máy thủy điện vừa và nhỏ, nhà máy nước khu công nghiệp và đô thị;
- Sản xuất kinh doanh kim khí, các sản phẩm về cơ khí, quản lý và kinh doanh bán điện;
- Xây lắp, thí nghiệm, hiệu chỉnh, bảo dưỡng, lắp ráp tủ bảng điện công nghiệp cho đường dây, nhà máy điện, trạm biến áp và các dây chuyền công nghệ có cấp điện áp đến 500KV;
- Khai thác cát, sỏi, đá làm đường và xây dựng.

4. Tổng số các Công ty con : 03
Trong đó:

Số lượng các Công ty con được hợp nhất:

Số lượng các Công ty con không được hợp nhất: -

5. Danh sách các Công ty con được hợp nhất

Tên Công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty TNHH một thành viên Sông BT3-Vị trí 24, KĐT Xa La, Đà 11 Thăng Long	phường Phúc La, Hà Đông, Hà Nội	100%	100% 
Công ty Cổ phần Thủy điện To Bàn Tin Tộc, Xã Tú Nang, Buồng	huyện Yên Châu, tỉnh Sơn La	93,57%	70%
Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Lô 74-76C, KP3, phường Long Sông Đà 11 (*)	Bình Tân, Biên Hòa, Đồng Nai	100%	100%

(*) Trong năm, Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 đã hoàn thành việc sáp nhập vào Công ty Cổ phần Sông Đà 11 và trở thành đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

6. Danh sách các công ty liên kết quan trọng được phân ánh trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Tỷ lệ phần sở hữu	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty Cổ phần Kỹ Thuật điện Lô 141, Khu giãn dân Mổ Lao, Sông Đà	phường Mộ Lao, Hà Đông, Hà Nội	36,12%	36,12%
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch Số nhà A86 TT 9, Khu đô thị mới vụ Sông Đà	Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội	36%	36%

7. Những sự kiện ảnh hưởng quan trọng đến hoạt động kinh doanh của Tập đoàn trong năm

Ngày 24 tháng 6 năm 2013 Đại hội đồng cổ đông Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã thông qua Nghị quyết số 01/2013/NQ-ĐHĐCĐ về phương án:

- Thực hiện thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà, Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà, Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà, Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7, Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch II, Công ty Cổ phần Sông Đà – Hà Nội.
- Thực hiện sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long và Công ty Cổ phần Dầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 bằng hình thức hoán đổi cổ phiếu.

Kết thúc năm tài chính, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đã hoàn thành việc sáp nhập Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long thành Công ty con sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Dầu tư Xây lắp Sông Đà 11 thành đơn vị trực thuộc hạch toán phụ thuộc bằng việc phát hành tăng thêm 3.556.208 cổ phiếu hoán đổi. Đồng thời Công ty cũng đã hoàn thành việc thoái toàn bộ 100% vốn góp của Công ty tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà và Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà.

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Tập đoàn bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng để lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND).

III. CHUẨN MỤC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chuẩn mực và chế độ kế toán áp dụng

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập theo hướng dẫn của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Sông Đà 11 đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán và Chế độ Kế toán Doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Quyết định số 15/2006/QĐ-BTC ngày 20 tháng 3 năm 2006 của Bộ trưởng Bộ Tài chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực và chế độ kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

3. Hình thức kế toán áp dụng

Tập đoàn sử dụng hình thức kế toán nhật ký chung trên máy vi tính.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Cơ sở hợp nhất

Báo cáo tài chính hợp nhất bao gồm Báo cáo tài chính của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 (công ty mẹ) và các công ty con. Công ty con là đơn vị chịu sự kiểm soát của công ty mẹ. Sự kiểm soát tồn tại khi công ty mẹ có khả năng trực tiếp hay gián tiếp chi phối các chính sách tài chính và hoạt động của công ty con để thu được các lợi ích kinh tế từ các hoạt động này. Khi đánh giá quyền kiểm soát có tính đến quyền biểu quyết tiềm năng hiện đang có hiệu lực hay sẽ được chuyển đổi.

Kết quả hoạt động kinh doanh của các công ty con được mua lại hoặc bán đi trong năm được trình bày trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất từ ngày mua hoặc cho đến ngày bán khoản đầu tư ở công ty con đó.

Trong trường hợp chính sách kế toán của công ty con khác với chính sách kế toán của áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty con sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

Số dư các tài khoản trên Bảng cân đối kế toán giữa các công ty trong cùng Tập đoàn, các giao dịch nội bộ, các khoản lãi nội bộ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch này được loại trừ khi lập Báo cáo tài chính hợp nhất. Các khoản lỗ chưa thực hiện phát sinh từ các giao dịch nội bộ cũng được loại bỏ trừ khi chi phí tạo nên khoản lỗ đó không thể thu hồi được.

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần lợi nhuận và tài sản thuần của công ty con không nắm giữ bởi các cổ đông của công ty mẹ và được trình bày ở mục riêng trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh hợp nhất và Bảng cân đối kế toán hợp nhất. Lợi ích của cổ đông thiểu số bao gồm giá trị các lợi ích của cổ đông thiểu số tại ngày hợp nhất kinh doanh ban đầu và phần lợi ích của cổ đông thiểu số trong biến động của vốn chủ sở hữu kể từ ngày hợp nhất kinh doanh. Các khoản lỗ tương ứng với phần vốn của cổ đông thiểu số vượt quá phần vốn của họ trong vốn chủ sở hữu của công ty con được tính giảm vào phần lợi ích của Tập đoàn trừ khi cổ đông thiểu số có nghĩa vụ ràng buộc và có khả năng bù đắp khoản lỗ đó.

3. Hợp nhất kinh doanh

Việc hợp nhất kinh doanh được kế toán theo phương pháp mua. Giá phí hợp nhất kinh doanh bao gồm giá trị hợp lý tại ngày diễn ra trao đổi của các tài sản đem trao đổi, các khoản nợ phải trả đã phát sinh hoặc đã thừa nhận và các công cụ vốn do Tập đoàn phát hành để đổi lấy quyền kiểm soát

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

bên bị mua cộng với các chi phí liên quan trực tiếp đến việc hợp nhất kinh doanh. Tài sản đã mua, nợ phải trả có thể xác định được và những khoản nợ tiềm tàng phải gánh chịu trong hợp nhất kinh doanh được ghi nhận theo giá trị hợp lý tại ngày hợp nhất kinh doanh.

Chênh lệch giữa giá phí hợp nhất kinh doanh với phần sở hữu của bên mua Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu giá phí hợp nhất kinh doanh thấp hơn giá trị hợp lý thuần của tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng đã ghi nhận của bên bị mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

4. Đầu tư vào công ty liên kết

Công ty liên kết là công ty mà Tập đoàn có những ảnh hưởng đáng kể nhưng không có quyền kiểm soát đối với các chính sách tài chính và hoạt động.

Kết quả hoạt động kinh doanh của công ty liên kết được bao gồm trong Báo cáo tài chính hợp nhất theo phương pháp vốn chủ sở hữu từ ngày bắt đầu có ảnh hưởng đáng kể cho đến ngày ảnh hưởng đáng kể kết thúc. Khoản đầu tư vào công ty liên kết được thể hiện trên Báo cáo tài chính hợp nhất theo chi phí đầu tư ban đầu và điều chỉnh cho các thay đổi trong phần lợi ích trên tài sản thuần của công ty liên kết sau ngày đầu tư. Nếu lợi ích của Tập đoàn trong khoản lỗ của công ty liên kết lớn hơn hoặc bằng giá trị ghi sổ của khoản đầu tư thì giá trị khoản đầu tư được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất là bằng không trừ khi Tập đoàn có các nghĩa vụ thực hiện thanh toán thay cho công ty liên kết.

Chênh lệch giữa chi phí đầu tư và phần sở hữu của Tập đoàn trong giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua được ghi nhận là lợi thế thương mại. Nếu chi phí đầu tư thấp hơn giá trị hợp lý của tài sản thuần có thể xác định được của công ty liên kết tại ngày mua, phần chênh lệch được ghi nhận vào kết quả hoạt động kinh doanh trong kỳ phát sinh nghiệp vụ mua.

Báo cáo tài chính của công ty liên kết được lập cùng năm tài chính với Tập đoàn. Khi chính sách kế toán của công ty liên kết khác với chính sách kế toán áp dụng thống nhất trong Tập đoàn thì Báo cáo tài chính của công ty liên kết sẽ có những điều chỉnh thích hợp trước khi sử dụng cho việc lập Báo cáo tài chính hợp nhất.

5. Lợi thế thương mại

Lợi thế thương mại là phần chênh lệch giữa chi phí mua so với phần lợi ích của Tập đoàn trong giá trị hợp lý thuần của các tài sản, nợ phải trả có thể xác định được và các khoản nợ tiềm tàng của công ty con tại ngày mua. Lợi thế thương mại được ghi nhận là tài sản trên Bảng cân đối kế toán hợp nhất và được phân bổ theo phương pháp đường thẳng trong 5 năm.

Khi bán công ty con, giá trị còn lại của lợi thế thương mại liên quan đến các đơn vị này được hạch toán vào kết quả hoạt động kinh doanh.

6. Tiền và tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển và các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, để dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

7. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được xác định trên cơ sở giá gốc. Giá gốc hàng tồn kho bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá gốc hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Chi phí sản xuất kinh doanh cuối kỳ được xác định cho từng công trình như sau:

- Đối với công trình đấu thầu, Công ty xác định được giá thành nội bộ:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở dang} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \end{array} + \begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh phát} \end{array} \begin{array}{l} \\ \text{sinh trong kỳ} \end{array} \begin{array}{l} \\ \text{Giá vốn hàng bán} \\ \text{trong kỳ} \end{array}$$

Trong đó:

$$\text{Giá vốn hàng bán trong kỳ} = \frac{\text{Giá thành nội bộ}}{\text{Tổng doanh thu}} \times \text{Doanh thu ghi nhận trong kỳ}$$

- Đối với các công trình khác:

$$\begin{array}{l} \text{Chi phí sản xuất} \\ \text{kinh doanh dở} \\ \text{dang cuối kỳ} \end{array} = \begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sản lượng} \\ \text{dờ dang cuối kỳ} \end{array} - \begin{array}{l} \text{Thu nhập} \\ \text{chịu thuế} \\ \text{tính trước} \end{array} \begin{array}{l} \text{Các khoản} \\ \text{phụ phí} \\ \text{(nếu có)} \end{array} \begin{array}{l} \text{Chi phí} \\ \text{quản lý} \\ \text{ước tính} \end{array} \begin{array}{l} \text{Lãi vay} \\ - \\ \text{ước tính} \end{array} \begin{array}{l} \text{(nếu có)} \end{array}$$

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận khi giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Tăng hoặc giảm số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được ghi nhận vào giá vốn hàng bán trong năm.

8. Các khoản phải thu thương mại và phải thu khác

Các khoản phải thu thương mại và các khoản phải thu khác được ghi nhận theo hóa đơn, chứng từ.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra.

Tăng hoặc giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp trong năm.

9. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Tập đoàn phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận ngay vào chi phí.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và bất kỳ khoản lãi lỗ nào phát sinh do việc thanh lý đều được tính vào thu nhập hay chi phí trong năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

Loại tài sản cố định	Số năm
Nhà cửa, vật kiến trúc	6 - 25
Máy móc và thiết bị	3 - 10
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	6 - 8
Thiết bị, dụng cụ quản lý	3 - 8
Riêng máy móc thiết bị của nhà máy Thủy điện Thác Trắng được khấu hao theo phương pháp sản lượng.	

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Tài sản cố định vô hình của Tập đoàn bao gồm:

Giá trị lợi thế kinh doanh và Thương hiệu Sông Đà

Giá trị lợi thế kinh doanh của Tập đoàn và giá trị thương hiệu Sông Đà được ghi nhận khi xác định giá trị doanh nghiệp để cổ phần hóa và được khấu hao theo phương pháp đường thẳng với thời gian là 10 năm.

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Tập đoàn đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến việc xây dựng nhà xưởng và lắp đặt máy móc, thiết bị chưa hoàn thành và chưa lắp đặt xong. Các tài sản đang trong quá trình xây dựng cơ bản dở dang và lắp đặt không được tính khấu hao.

12. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh.

13. Đầu tư tài chính

Các khoản đầu tư vào chứng khoán và các khoản đầu tư dài hạn khác được ghi nhận theo giá gốc.

Dự phòng giảm giá chứng khoán được lập cho từng loại chứng khoán được mua bán trên thị trường và có giá thị trường thấp hơn giá trị đang hạch toán trên sổ sách. Giá thị trường làm căn cứ xem xét trích lập dự phòng được xác định như sau:

- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội (HNX) là giá giao dịch bình quân tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã niêm yết trên Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh (HOSE) là giá đóng cửa tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán đã đăng ký giao dịch trên thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng chưa niêm yết (UPCom) là giá giao dịch bình quân trên hệ thống tại ngày trích lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán chưa đăng ký giao dịch ở thị trường giao dịch của các Công ty đại chúng là giá trung bình trên cơ sở giá giao dịch do tối thiểu của 3 Công ty chứng khoán công bố tại ngày lập dự phòng.
- Đối với chứng khoán niêm yết bị hủy giao dịch, ngừng giao dịch kể từ ngày giao dịch thứ sáu trở đi là giá trị sổ sách tại ngày lập Bảng cân đối kế toán gần nhất.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Dự phòng cho các khoản đầu tư vào tổ chức kinh tế khác được trích lập khi các tổ chức kinh tế này bị lỗ (trừ trường hợp lỗ theo kế hoạch đã được xác định trong phương án kinh doanh trước khi đầu tư) với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế và vốn chủ sở hữu thực có nhân (x) với tỷ lệ góp vốn của Tập đoàn so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại tổ chức kinh tế.

Tăng, giảm số dư dự phòng các khoản đầu tư tài chính được ghi nhận vào chi phí tài chính trong năm.

Khi thanh lý một khoản đầu tư, phần chênh lệch giữa giá trị thanh lý thuần và giá trị ghi sổ được hạch toán vào thu nhập hoặc chi phí.

14. Chi phí trả trước dài hạn

Công cụ, dụng cụ

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 2 năm

Chi phí bóc phủ khai thác mỏ đá

Chi phí bóc phủ khai thác bao gồm các chi phí thực tế phát sinh liên quan đến việc bóc hết lớp đất phủ trên mỏ đá của Chi nhánh Sông Đà 11.7 trước khi Chi nhánh chính thức hoạt động khai thác đá xây dựng. Các chi phí này được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng trong 05 năm kể từ khi Chi nhánh này bắt đầu hoạt động khai thác đá.

15. Chi phí phải trả

Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả cho các hàng hóa, dịch vụ đã sử dụng.

16. Trợ cấp thôi việc và bảo hiểm thất nghiệp

Tập đoàn phải chi trả trợ cấp thôi việc cho người lao động có thời gian làm việc tại Tập đoàn từ 12 tháng trở lên tính đến ngày 31 tháng 12 năm 2008 với mức chi trả bằng $\frac{1}{2}$ tháng lương cộng phụ cấp lương (nếu có) bình quân của sáu tháng liền kề trước thời điểm thôi việc cho 1 năm làm việc.

Theo Luật bảo hiểm xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009 Tập đoàn phải đóng quỹ Bảo hiểm thất nghiệp do cơ quan Bảo hiểm xã hội Việt Nam quản lý với tỷ lệ 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của người lao động hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ qui định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp Tập đoàn không phải trả trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của người lao động từ ngày 01 tháng 01 năm 2009.

Trợ cấp thôi việc được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp khi chi trả cho người lao động.

17. Nguồn vốn kinh doanh

Vốn đầu tư của chủ sở hữu

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số thực tế đã đầu tư của các cổ đông của Công ty mẹ.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung hoặc chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Cổ phiếu quỹ

Khi mua lại cổ phiếu do Tập đoàn phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào chỉ tiêu Thặng dư vốn cổ phần.

18. Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được công bố.

19. Trích lập các quỹ

Các quỹ được trích lập và sử dụng theo Điều lệ của các Công ty trong Tập đoàn.

20. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích Báo cáo tài chính và các giá trị dùng cho mục đích thuế. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc năm tài chính và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận trong Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trừ khi liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu khi đó thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

21. Các giao dịch bằng ngoại tệ

Các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh giao dịch. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm được qui đổi theo tỷ giá tại ngày kết thúc năm tài chính.

Chênh lệch tỷ giá phát sinh trong năm từ các giao dịch bằng ngoại tệ của các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ và chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm sau khi bù trừ chênh lệch tăng và chênh lệch giảm được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính hoặc chi phí tài chính.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tỷ giá sử dụng để qui đổi các giao dịch phát sinh bằng ngoại tệ là tỷ giá thực tế tại thời điểm phát sinh giao dịch của ngân hàng thương mại nội Công ty có giao dịch phát sinh. Tỷ giá sử dụng để đánh giá lại số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ cuối năm là tỷ giá mua vào của ngân hàng thương mại nơi các Công ty mở tài khoản công bố tại ngày kết thúc năm tài chính.

22. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với việc sở hữu cũng như quyền quản lý hàng hóa, thành phẩm đó được chuyển giao cho người mua, và không còn tồn tại yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền, chi phí kèm theo hoặc khả năng hàng bán bị trả lại.

Doanh thu cung cấp dịch vụ

Doanh thu cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi không còn những yếu tố không chắc chắn đáng kể liên quan đến việc thanh toán tiền hoặc chi phí kèm theo. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ kế toán thì doanh thu được ghi nhận căn cứ vào tỷ lệ dịch vụ hoàn thành tại ngày kết thúc năm tài chính.

Doanh thu hợp đồng xây dựng

Khi kết quả thực hiện hợp đồng được ước tính một cách đáng tin cậy, đối với các hợp đồng xây dựng qui định nhà thầu được thanh toán theo giá trị khối lượng thực hiện, doanh thu và chi phí liên quan đến hợp đồng được ghi nhận tương ứng với phần công việc đã hoàn thành được khách hàng xác nhận và được phản ánh trên hóa đơn đã lập.

Các khoản tăng, giảm khối lượng xây lắp, các khoản thu bồi thường và các khoản thu khác chỉ được ghi nhận doanh thu khi đã được thống nhất với khách hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Tập đoàn được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Riêng cổ tức nhận bằng cổ phiếu không ghi nhận vào thu nhập mà chỉ theo dõi số lượng tăng thêm.

23. Tài sản tài chính

Phân loại tài sản tài chính

Việc phân loại các tài sản tài chính này phụ thuộc vào bản chất và mục đích của tài sản tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Các tài sản tài chính của Tập đoàn gồm các nhóm: các khoản phải thu và tài sản tài chính sẵn sàng để bán.

Các khoản phải thu

Các khoản phải thu là các tài sản tài chính phi phái sinh với các khoản thanh toán cố định hoặc có thể xác định và không được niêm yết trên thị trường.

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán

Tài sản tài chính sẵn sàng để bán là các tài sản tài chính phi phái sinh được xác định là sẵn sàng để bán hoặc không được phân loại là các tài sản tài chính ghi nhận theo giá trị hợp lý thông qua Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, các khoản đầu tư giữ đến ngày đáo hạn hoặc các khoản cho vay và phải thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị ghi sổ ban đầu của tài sản tài chính

Các tài sản tài chính được ghi nhận tại ngày mua và dừng ghi nhận tại ngày bán. Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các tài sản tài chính được ghi nhận theo giá gốc cộng các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến việc mua, phát hành tài sản tài chính đó.

24. **Nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu**

Các công cụ tài chính được phân loại là nợ phải trả tài chính hoặc công cụ vốn chủ sở hữu tại thời điểm ghi nhận ban đầu phù hợp với bản chất và định nghĩa của nợ phải trả tài chính và công cụ vốn chủ sở hữu.

Nợ phải trả tài chính

Việc phân loại các khoản nợ phải trả tài chính phụ thuộc vào bản chất và mục đích của khoản nợ tài chính và được quyết định tại thời điểm ghi nhận ban đầu. Nợ phải trả tài chính của Tập đoàn gồm các khoản phải trả người bán, vay và nợ, các khoản phải trả khác.

Tại thời điểm ghi nhận lần đầu, các khoản nợ phải trả tài chính được ghi nhận ban đầu theo giá gốc trừ các chi phí phát sinh khác liên quan trực tiếp đến nợ phải trả tài chính đó.

Công cụ vốn chủ sở hữu

Công cụ vốn chủ sở hữu là hợp đồng chứng tỏ được những lợi ích còn lại về tài sản của Tập đoàn sau khi trừ đi toàn bộ nghĩa vụ.

25. **Bù trừ các công cụ tài chính**

Các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính chỉ được bù trừ với nhau và trình bày giá trị thuần trên Bảng cân đối kế toán khi và chỉ khi Tập đoàn:

- Có quyền hợp pháp để bù trừ giá trị đã được ghi nhận; và
- Có dự định thanh toán trên cơ sở thuần hoặc ghi nhận tài sản và thanh toán nợ phải trả cùng một thời điểm.

26. **Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

27. **Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

Giao dịch với các bên có liên quan trong năm được trình bày ở thuyết minh số VIII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN HỢP NHẤT

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền mặt	1.091.246.581	1.131.018.445
Tiền gửi ngân hàng	74.971.626.122	51.630.015.511
Cộng	76.062.872.703	52.761.033.956

2. Đầu tư ngắn hạn

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Số lượng	Giá trị	Số lượng	Giá trị
Công ty Tài chính Cổ phần Sông Đà	1.000.000	10.000.000.000	1.000.000	10.000.000.000
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao nguyên Sông Đà 7 ⁽ⁱ⁾	595.200	5.952.000.000	595.200	5.952.000.000
Công ty Cổ phần Điện lực Dầu khí Nhơn Trạch 2 ⁽ⁱⁱ⁾	150.000	1.500.000.000	150.000	1.500.000.000
Công ty Cổ phần Sông Đà Hà Nội	200.000	2.000.000.000	200.000	2.000.000.000
Cộng		19.452.000.000		19.452.000.000

⁽ⁱ⁾ Tổng vốn góp vào Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà 7 theo đăng ký là 8.000.000.000 VND, chiếm 10% vốn điều lệ, trong đó: từ nguồn vốn của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 là 4.000.000.000 VND, các cá nhân góp vốn ủy thác qua Công ty là 4.000.000.000 VND. Tại ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã nắm giữ 595.200 cổ phiếu.

⁽ⁱⁱ⁾ Mua cổ phần ủy thác qua Tổng Công ty Sông Đà.

3. Dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn

Là khoản dự phòng đầu tư ngắn hạn khác.

Tình hình biến động dự phòng giảm giá đầu tư ngắn hạn như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(780.000.000)	-
Trích lập dự phòng bổ sung	-	(780.000.000)
Hoàn nhập dự phòng	210.000.000	-
Số cuối năm	(570.000.000)	(780.000.000)

4. Phải thu khách hàng

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu về khối lượng xây lắp	349.891.040.248	313.946.836.975
Phải thu về cung cấp điện, nước	6.054.422.856	11.002.653.912
Phải thu tiền bán thành phẩm	6.907.525.459	6.065.425.737
Phải thu tiền khác	12.574.690.527	5.902.989.380
Cộng	375.427.679.090	336.917.906.004

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Trả trước cho người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trả trước về khối lượng xây lắp	14.584.388.324	34.454.470.811
Trả trước cho nhà cung cấp vật tư, thiết bị	9.804.648.809	4.680.383.876
Trả trước cho nhà cung cấp điện	225.496.340	2.000.000
Trả trước cho nhà cung cấp dịch vụ	588.682.806	1.604.409.271
Cộng	25.203.216.279	40.741.263.958

6. Các khoản phải thu khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải thu của CBCNV	1.789.623.579	2.405.224.054
Phải thu các đội công trình	895.252.841	3.109.237.829
Tiền cổ tức phải thu	695.750.000	993.600.000
BĐH DA thủy điện Hòa Na	399.227.449	1.117.515.001
Tiền đền bù đã trả hộ chủ đầu tư chưa quyết toán	1.237.484.178	3.507.425.028
Tiền đền bù do mất vật tư	330.651.004	743.819.015
Phải thu Sở tài chính tiền thuê đất được giảm		158.503.664
Tiền tạm ứng phải thu các CBCNV đã nghỉ việc		208.094.908
Phải thu tiền điện	143.471.400	142.993.120
Các khoản phải thu khác	840.459.340	3.569.385.471
Cộng	6.331.919.791	15.955.798.090

7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

Là dự phòng nợ phải thu quá hạn thanh toán.

Tình hình biến động dự phòng phải thu khó đòi như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	(797.494.432)	(589.669.303)
Trích lập dự phòng bổ sung	(8.231.488.296)	(270.619.917)
Hoàn nhập dự phòng	-	62.794.788
Số cuối năm	(9.028.982.728)	(797.494.432)

8. Hàng tồn kho

	Số cuối năm	Số đầu năm
Hàng mua đang đi trên đường	3.819.360.085	1.530.422.738
Nguyên liệu, vật liệu	19.503.894.122	21.041.391.237
Công cụ, dụng cụ	1.425.214.339	924.192.435
Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang	175.196.786.092	150.592.767.208
Thành phẩm	518.154.174	1.036.308.348
Cộng	200.463.408.812	175.125.081.966

9. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Chi phí thuê văn phòng		85.319.583
Chi phí công cụ, dụng cụ	53.609.182	11.922.728
Chi phí sửa chữa	36.754.545	78.932.500
Chi phí bảo hiểm tài sản	60.301.194	
Cộng	150.664.921	176.174.811

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

10. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước
Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp nộp thừa.

11. Tài sản ngắn hạn khác	Số cuối năm		Số đầu năm	
Tạm ứng	24.595.417.213		26.267.416.643	
Các khoản cầm cố, ký quỹ, ký cược ngắn hạn	10.250.000		1.857.866.393	
Tài sản thiếu chờ xử lý	3.760.399.863		50.000.000	
Cộng	28.366.067.076		28.175.283.036	

12. Phải thu dài hạn của khách hàng
Là khoản phải thu dài hạn về khối lượng xây lắp thực hiện.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

13. Tăng, giảm tài sản cố định hữu hình

Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Tài sản cố định khác	Công	Nguyên giá		Giá trị hao mòn		Giá trị còn lại		Số đầu năm		Số cuối năm	
						Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm
88.683.220.188	67.950.861.182	33.596.240.736	2.132.544.332	24.976.190	192.387.842.628	88.683.220.188	83.221.970.194	17.451.244.921	20.607.053.667	71.231.975.267	62.614.916.527	71.231.975.267	62.614.916.527	71.231.975.267	62.614.916.527
Tăng trong năm do mua sắm mới	-	6.788.102.824	188.380.000	-	7.417.391.915	-	77.601.002.156	26.537.119.676	30.932.991.508	41.413.741.506	46.668.010.648	41.413.741.506	46.668.010.648	41.413.741.506	46.668.010.648
Phân loại lại	(4.682.386.560)	4.715.206.810	-	(32.820.250)	-	(4.682.386.560)	77.601.002.156	20.806.537.069	22.979.728.031	12.789.703.667	10.004.896.064	12.789.703.667	10.004.896.064	12.789.703.667	10.004.896.064
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(500.347.453)	(353.667.129)	(493.322.610)	(20.780.000)	(1.368.117.192)	(500.347.453)	32.984.624.095	3.223.485.955	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(278.515.981)	(1.499.501.531)	(559.203.122)	(1.260.011.663)	(3.622.208.487)	(278.515.981)	1.007.312.419	1.552.471.331	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Trong đó:															
Hạ khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	303.150.100	4.781.665.519	10.465.736.105	191.975.144	15.742.526.868	303.150.100	83.221.970.194	24.976.190	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Số cuối năm	83.221.970.194	77.601.002.156	32.984.624.095	1.007.312.419	194.814.908.864	83.221.970.194	83.221.970.194	17.451.244.921	20.607.053.667	71.231.975.267	62.614.916.527	71.231.975.267	62.614.916.527	71.231.975.267	62.614.916.527
Giá trị hao mòn	17.451.244.921	26.537.119.676	20.806.537.069	1.552.471.331	66.372.349.187	17.451.244.921	20.607.053.667	24.976.190	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Số đầu năm	17.451.244.921	26.537.119.676	20.806.537.069	1.552.471.331	66.372.349.187	17.451.244.921	20.607.053.667	24.976.190	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Khấu hao trong năm	3.871.933.665	5.895.154.307	3.223.485.955	311.674.877	13.302.248.804	3.871.933.665	30.932.991.508	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Giảm trong năm do thanh lý, nhượng bán	(500.347.453)	(353.667.129)	(493.322.610)	(20.780.000)	(1.368.117.192)	(500.347.453)	30.932.991.508	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Giảm do không đủ tiêu chuẩn theo Thông tư 45/2013/TT-BTC	(215.777.466)	(1.145.615.346)	(556.972.383)	(1.139.042.270)	(3.082.383.655)	(215.777.466)	30.932.991.508	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Số cuối năm	20.607.053.667	30.932.991.508	22.979.728.031	704.323.938	75.224.097.144	20.607.053.667	30.932.991.508	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Giá trị còn lại	71.231.975.267	41.413.741.506	12.789.703.667	580.073.001	126.015.493.441	71.231.975.267	41.413.741.506	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Số đầu năm	71.231.975.267	41.413.741.506	12.789.703.667	580.073.001	126.015.493.441	71.231.975.267	41.413.741.506	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481
Số cuối năm	62.614.916.527	46.668.010.648	10.004.896.064	302.988.481	119.590.811.720	62.614.916.527	46.668.010.648	-	704.323.938	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481	580.073.001	302.988.481

Một số tài sản cố định hữu hình của Nhà máy thủy điện Thác Trảng có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 83.017.105.614 VND và 57.006.059.240 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên.

Một số tài sản cố định hữu hình của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long (nay là Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long) có nguyên giá và giá trị còn lại theo số sách lần lượt là 12.779.882.768 VND và 10.697.744.604 VND đã được thể chấp để đảm bảo cho các khoản vay của các Ngân hàng.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

14. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Lợi thế kinh doanh	Thương hiệu Sông Đà	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Tăng trong năm				
Giảm trong năm				
Số cuối năm	5.097.820.000	729.470.426	1.000.000.000	6.827.290.426
Trong đó:				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng				
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm		571.418.422	783.333.343	1.354.751.765
Tăng trong năm		72.947.040	99.999.996	172.947.036
Giảm trong năm				
Số cuối năm		644.365.462	883.333.339	1.527.698.801
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	5.097.820.000	158.052.004	216.666.657	5.472.538.661
Số cuối năm	5.097.820.000	85.104.964	116.666.661	5.299.591.625

15. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong năm	Kết chuyển vào TSCĐ trong năm	Kết chuyển vào chi phí SXKD	Số cuối năm
Mua sắm TSCĐ	149.657.135	722.377.272	844.907.272	27.127.135	-
XDCB dở dang	20.197.076.787	2.041.122.972			22.238.199.759
Dự án khu dân cư Hòa Bình	1.590.168.295	189.470			1.590.357.765
Dự án Khu đô thị Nhơn Trạch, Đồng Nai	2.204.468.991				2.204.468.991
Công trình nhà văn phòng CN Sông Đà 11.2 Thăng Long	177.083.641				177.083.641
Dự án Khu đô thị Vĩnh Thanh - Phú Thạnh	3.787.482.022				3.787.482.022
Dự án nhà máy TĐ To Búng	12.437.873.838	2.040.933.502			14.478.807.340
Sửa chữa lớn TSCĐ	156.867.209	220.000.229		100.590.000	276.277.438
Cộng	20.503.601.131	2.983.500.473	844.907.272	127.717.135	22.514.477.197

16. Đầu tư vào Công ty liên kết, liên doanh

Tên Công ty	Hoạt động chính	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
		Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị	Tỷ lệ phần sở hữu	Giá trị
Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà ⁽ⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	-		36,12%	9.367.699.497
Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà ⁽ⁱⁱ⁾	Xây lắp và Dịch vụ	-		36%	10.560.015.908
Cộng		-			19.927.715.405

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

- (i) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh và đăng ký thuế số 0102174012 ngày 12 tháng 07 năm 2010 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà 5.000.000.000 VND, tương đương 33,12% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty đã mua thêm 52.500 cổ phiếu với giá mua là 639.956.640 VND và nhận 80.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà. Đến ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã hoàn thành việc thoái toàn bộ số vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Kỹ thuật điện Sông Đà.
- (ii) Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0103042561 ngày 20 tháng 11 năm 2009 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, Công ty đầu tư vào Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà 7.200.000.000 VND, tương đương 36% vốn điều lệ. Năm 2011, Công ty được nhận 108.000 cổ phiếu phát hành trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu từ Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà. Đến ngày kết thúc năm tài chính, Công ty đã hoàn thành việc thoái toàn bộ số vốn đầu tư tại Công ty Cổ phần Xây lắp và Dịch vụ Sông Đà.
- Giá trị phần sở hữu của Tập đoàn tại các Công ty liên kết, liên doanh như sau:
- | | Công ty Cổ phần
Kỹ thuật điện
Sông Đà | Công ty Cổ phần
Xây lắp và Dịch
vụ Sông Đà | Công |
|--|---|--|------------------|
| Giá trị phần sở hữu đầu năm | 9.367.699.497 | 10.560.015.908 | 19.927.715.405 |
| Phần lãi hoặc lỗ trong năm | 566.441.605 | 275.276.049 | 841.717.654 |
| Tăng, giảm do điều chỉnh lợi nhuận | (44.911.566) | - | (44.911.566) |
| Giảm do phân phối quỹ khen thưởng,
phúc lợi và thù lao HĐQT | (80.560.995) | (73.760.444) | (154.321.439) |
| Giảm do chia cổ tức | (1.454.750.000) | (993.600.000) | (2.448.350.000) |
| Thanh lý Công ty liên kết | (8.353.918.541) | (9.767.931.513) | (18.121.850.054) |
| Giá trị phần sở hữu cuối năm | - | - | - |

17. Chi phí trả trước dài hạn

	Số đầu năm	Tăng trong năm	Phân bổ vào chi phí trong năm	Số cuối năm
Chi phí CCDC	281.124.820	2.093.157.990	1.169.186.528	1.205.096.282
Chi phí bóc phủ	983.727.271		327.909.092	655.818.179
Chi phí sửa chữa	58.181.818	490.774.000	128.292.389	362.481.611
Thương hiệu Sông Đà	837.500.000		150.000.000	687.500.000
Lợi thế thương mại	418.750.000		75.000.000	343.750.000
Cộng	2.521.102.091	2.583.931.990	1.850.388.009	3.254.646.072

18. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Là tài sản thuế thu nhập hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến thu nhập bán thanh lý tài sản trong nội bộ. Chi tiết phát sinh trong năm như sau:

	Năm nay
Số đầu năm	-
Số phát sinh	30.068.923
Số hoàn nhập	-
Số cuối năm	30.068.923

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

19. Tài sản dài hạn khác

Là khoản ký quỹ, ký cược dài hạn.

20. Lợi thế thương mại

	Năm nay	Năm trước
Nguyên giá		
Số đầu năm	3.700.000.000	3.700.000.000
Tăng trong năm	-	-
Giảm trong năm	-	-
Số cuối năm	<u>3.700.000.000</u>	<u>3.700.000.000</u>
Số đã phân bổ		
Số đầu năm	2.405.000.000	1.665.000.000
Phân bổ trong năm	740.000.000	740.000.000
Số cuối năm	<u>3.145.000.000</u>	<u>2.405.000.000</u>
Giá trị còn lại		
Số đầu năm	1.295.000.000	2.035.000.000
Số cuối năm	<u>555.000.000</u>	<u>1.295.000.000</u>

21. Vay và nợ ngắn hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
<i>Vay ngắn hạn ngân hàng</i>	<i>150.913.262.867</i>	<i>135.166.862.293</i>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Hà Tây	30.635.313.519	33.517.766.523
Chi nhánh Ngân hàng NN & PTNT Láng Hạ	5.889.887.190	28.667.052.230
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	105.182.380.844	63.115.398.295
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	-	6.542.049.666
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Nam Đồng Nai	-	3.324.595.579
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Đô	9.205.681.314	-
<i>Vay dài hạn đến hạn trả</i>	<i>11.448.505.744</i>	<i>12.002.592.543</i>
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Điện Biên	8.830.000.000	8.830.000.000
Chi nhánh Ngân hàng Đầu tư và Phát triển Đồng Đô	1.636.000.000	1.636.000.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Quang Trung	-	1.345.894.061
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	126.491.808	126.491.808
Ngân hàng TMCP Sài Gòn - Hà Nội - Chi nhánh Đồng Nai	-	64.206.674
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Thành Công	856.013.936	-
Cộng	<u>162.361.768.611</u>	<u>147.169.454.836</u>

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay

Số đầu năm	Số tiền vay phát sinh trong năm	Số kết chuyển	Số tiền vay đã trả trong năm	Số cuối năm
Vay ngắn hạn	135.166.862.293	279.835.305.131	-	264.088.904.557
ngân hàng				150.913.262.867
Vay dài hạn	12.002.592.543	-	11.448.505.744	12.002.592.543
đến hạn trả				11.448.505.744
Cộng	147.169.454.836	279.835.305.131	11.448.505.744	276.091.497.100
				162.361.768.611

22. Phải trả người bán

	Số cuối năm	Số đầu năm
Phải trả nhà cung cấp vật tư, TB, CCDC	73.747.580.464	78.848.086.229
Phải trả nhà cung cấp điện	265.426.567	2.794.342.719
Phải trả nhà thầu xây lắp	105.556.103.346	86.981.498.754
Phải trả nhà cung cấp khác	7.373.433.155	4.984.961.821
Cộng	186.942.543.532	173.608.889.523

23. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã nộp trong năm	Số cuối năm
Thuế GTGT hàng bán nội địa	25.565.084.265	56.447.014.771	50.924.628.416	31.087.470.620
Thuế thu nhập doanh nghiệp	7.681.893.590	6.015.054.138	6.713.829.089	6.983.118.639
Thuế thu nhập cá nhân	989.393.679	1.849.436.231	550.374.406	2.288.455.504
Thuế tài nguyên	809.543.955	867.595.807	849.197.656	827.942.106
Thuế nhà đất	7.123.058	38.334.585	30.582.789	14.874.854
Tiền thuê đất	62.150.760	136.525.760	136.525.760	62.150.760
Phí bảo vệ môi trường	40.619.168	1.517.678.940	342.502.591	1.215.795.517
Các loại thuế khác	108.654.445	12.500.000	12.500.000	108.654.445
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác	121.827.279	1.141.562.550	1.140.813.459	122.576.370
Cộng	35.386.290.199	68.025.702.782	60.700.954.166	42.711.038.815

Trong đó:

	Số cuối năm	Số đầu năm
Thuế nộp thừa	(273.788.728)	-
Thuế và các khoản phải nộp nhà nước	42.984.827.543	35.386.290.199
Cộng	42.711.038.815	35.386.290.199

Thuế nộp thừa được trình bày ở chi tiêu Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước (xem thuyết minh số V.10).

Thuế giá trị gia tăng

Tập đoàn nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Hoạt động xây lắp, điện thương phẩm, đá thành phẩm

10%

Hoạt động khác

5%

Thuế tài nguyên

Tập đoàn phải nộp thuế tài nguyên cho hoạt động khai thác đá nguyên liệu với mức 5% giá tính thuế (x) sản lượng đá khai thác trong kỳ và hoạt động khai thác nhiên liệu dùng để sản xuất thủy điện với mức 2%/ giá tính thuế.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 25%.

Theo Giấy chứng nhận ưu đãi đầu tư số 3758 ngày 07 tháng 06 năm 2005 do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 được hưởng ưu đãi thuế TNDN cho dự án đầu tư mở rộng tại địa bàn có điều kiện kinh tế - xã hội khó khăn (Dự án đầu tư công trình Thủy điện Thác Trắng). Công ty áp dụng ưu đãi thuế theo điểm 3, điều 38 Nghị định số 164/2003/NĐ-CP ngày 22 tháng 12 năm 2003 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế Thu nhập doanh nghiệp: Dự án đầu tư thuộc ngành nghề, lĩnh vực quy định tại Danh mục A Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này và thực hiện tại địa bàn quy định tại Danh mục B Phụ lục ban hành kèm theo Nghị định này. Theo đó, Công ty được miễn thuế thu nhập doanh nghiệp đối với thu nhập từ nhà máy thủy điện Thác Trắng trong 03 năm kể từ năm 2012 và giảm 50% số thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong 05 năm tiếp theo.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong năm được dự tính như sau:

	Các hoạt động khác	Thủy điện Thác Trắng	Tổng cộng
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	10.160.074.966	11.191.964.282	21.352.039.248
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	11.991.617.829		11.991.617.829
- Các khoản điều chỉnh tăng	10.018.524.899		10.018.524.899
- Các khoản điều chỉnh giảm	1.973.092.930		1.973.092.930
Thu nhập chịu thuế	22.151.692.795	11.191.964.282	33.343.657.077
Thu nhập được miễn thuế	(7.660.114.470)		(7.660.114.470)
Chuyển lỗ do nhận sáp nhập	14.491.578.325	11.191.964.282	25.683.542.607
Thu nhập tính thuế	25%	25%	25%
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp			
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông	3.622.894.581	2.797.991.071	6.420.885.652
Thuế thu nhập doanh nghiệp chênh lệch do áp dụng thuế suất khác thuế suất phổ thông			
Thuế thu nhập doanh nghiệp được miễn			
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	3.622.894.581	(2.797.991.071)	(2.797.991.071)
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	2.392.159.557		2.392.159.557
Tổng thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	6.015.054.138		6.015.054.138

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, toà nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Tiền thuê đất và thuế nhà đất

Tiền thuê đất và thuế nhà đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế.

Các loại thuế khác

Tập đoàn kê khai và nộp theo qui định.

24. Chi phí phải trả

	Số cuối năm	Số đầu năm
Trích trước chi phí các công trình	39.537.659.233	37.347.823.624
Tiền vật tư chưa có hóa đơn	470.845.724	841.167.019
Phải trả tiền thuê văn phòng, thuê xe, thuê đất, thuế máy	236.954.545	593.578.814
Chi phí lãi vay phải trả	387.104.790	388.148.070
Phí bảo lãnh tiền ứng	-	340.786.614
Chi phí phải trả khác	-	349.851.032
Cộng	40.632.564.292	39.861.355.173

25. Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Kinh phí công đoàn	2.737.205.296	3.697.312.308
BHXH, BHYT, BHTN	6.330.730.211	5.138.117.499
Phải trả các đội tiền khoán công trình	43.542.540.939	26.127.129.301
Nhân ủy thác đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà của CBCNV	2.022.500.000	2.022.500.000
Các quỹ xã hội nhân đạo	817.208.681	409.976.807
Cổ tức phải trả các cổ đông	1.214.923.423	3.611.369.173
Phải trả Jurang Engineering Limited	2.112.966.780	-
Phải trả tiền vật tư		589.295.053
Thuế thu nhập cá nhân phải trả nước Lào	1.778.377.822	2.273.952.076
Các khoản phải trả phải nộp khác	6.437.573.677	2.008.142.516
Cộng	66.994.026.829	45.877.794.733

26. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Số đầu năm	Tăng do trích lập từ lợi nhuận	Chi quỹ trong năm	Số cuối năm
Quỹ khen thưởng	180.169.280	92.614.786	133.900.000	138.884.066
Quỹ phúc lợi	1.183.571.675	1.648.302.100	1.013.145.000	1.818.728.775
Cộng	1.363.740.955	1.740.916.886	1.147.045.000	1.957.612.841

27. Phải trả dài hạn người bán

Là khoản phải trả dài hạn về nhà thầu xây lắp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

28. Phải trả dài hạn khác

	Số cuối năm	Số đầu năm
Ký quỹ, ký cược dài hạn	1.058.000.000	1.500.000.000
Tiền ủng hộ người nghèo tỉnh Sơn La	1.000.000.000	1.000.000.000
Cộng	2.058.000.000	2.500.000.000

29. Vay và nợ dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT & PT Điện Biên</i>	<i>13.256.546.906</i>	<i>22.086.546.906</i>
Hợp đồng tín dụng 02/2004/HĐ-TDDH ⁽¹⁾	11.412.123.867	19.512.123.867
Hợp đồng tín dụng 03/2007/HĐ ⁽²⁾	1.844.423.039	2.574.423.039
<i>Chi nhánh Ngân hàng ĐT & PT Đông Đô</i>	<i>6.713.462.697</i>	<i>8.349.462.697</i>
Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ⁽³⁾	153.600.000	469.600.000
Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ⁽⁴⁾	6.559.862.697	7.879.862.697
<i>Ngân hàng TMCP Tiên Phong – Chi nhánh Hà Nội</i>	<i>84.327.848</i>	<i>210.819.656</i>
Hợp đồng tín dụng số 207-01.07.10/HĐTD ⁽⁵⁾	84.327.848	210.819.656
<i>Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thành Công</i>	<i>3.424.055.746</i>	<i>-</i>
Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH/SDTL ⁽⁶⁾	3.424.055.746	-
Cộng	23.478.393.197	30.646.829.259

(1) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 02/2004/HĐ-TDDH ngày 09/9/2004, thời hạn vay là 138 tháng, vay để nhập khẩu thiết bị nước ngoài và đầu tư các hạng mục xây lắp, thiết bị và các chi phí khác trực tiếp phục vụ sản xuất của Dự án Thủy điện Thác Trắng. Khoản vay được đảm bảo bằng tài sản hình thành từ vốn vay.

(2) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng dài hạn số 03/2007/HĐ ngày 28/02/2007, thời hạn vay 114 tháng, vay để trả lãi vay trong thời gian thi công dự án Nhà máy thủy điện Thác Trắng.

(3) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 30/06/2015, vay để mua xe ô tô phục vụ quản lý điều hành.

(4) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 02/2012/HĐTD ngày 31 tháng 05 năm 2012, thời hạn vay không quá 29/10/2019, vay để thực hiện đầu tư mua sàn tầng 7 – tòa nhà hỗn hợp Sông Đà – Hà Đông.

(5) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 07-01.07.10/HĐTD ngày 03 tháng 8 năm 2010 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2010”.

(6) Khoản vay theo Hợp đồng tín dụng số 01/2013/TH SDTL ngày 13 tháng 9 năm 2013 để thực hiện dự án “Đầu tư nâng cao năng lực thiết bị xe máy phục vụ thi công xây lắp năm 2013”.

Kỳ hạn thanh toán vay và nợ dài hạn

	Số cuối năm	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	11.448.505.744	12.002.592.543
Trên 1 năm đến 5 năm	23.478.393.197	28.072.406.220
Trên 5 năm	-	2.574.423.039
Tổng nợ	34.926.898.941	42.649.421.802

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết phát sinh của khoản vay và nợ dài hạn ngân hàng như sau:

	Số tiền vay		
	Số đầu năm	phát sinh trong năm	Số kết chuyển
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Điện Biên	22.086.546.906		(8.830.000.000)
Chi nhánh Ngân hàng ĐT&PT Đông Đô	8.349.462.697		(1.636.000.000)
Ngân hàng Thương mại Cổ phần Tiên Phong - Chi nhánh Hà Nội	210.819.656		(126.491.808)
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam – Chi nhánh Thanh Công		4.280.069.682	(856.013.936)
Cộng	30.646.829.259	4.280.069.682	(11.448.505.744)

30. Doanh thu chưa thực hiện

	Số cuối năm	Số đầu năm
Doanh thu chưa thực hiện của hoạt động xây lắp	1.201.114.380	812.986.467
Phí ủy thác góp vốn đầu tư	202.250.000	202.250.000
Cộng	1.403.364.380	1.015.236.467

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

(*) Thực hiện Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2013 của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 ngày 24 tháng 6 năm 2013, Công ty đã phát hành thêm 3.556.208 cổ phiếu phổ thông để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11. Sau khi sáp nhập, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 Thăng Long trở thành Công ty TNHH một thành viên Sông Đà 11 Thăng Long do Công ty Cổ phần Sông Đà 11 sở hữu 100% vốn và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11 trở thành đơn vị trực thuộc với tên gọi Chi nhánh Công ty Cổ phần Sông Đà 11 tại Miền Nam.

Cổ tức

Cổ tức đã chi trả như sau:

	Năm nay	Năm trước
Trả cổ tức năm trước	17.211.045.250	16.672.744.182
Cộng	17.211.045.250	16.672.744.182

Cổ phiếu

	Số cuối năm	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	11.553.105	7.996.897
Số lượng cổ phiếu đã phát hành ra công chúng	11.553.105	7.996.897
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.553.105</i>	<i>7.996.897</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	5.100	5.100
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>5.100</i>	<i>5.100</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.548.005	7.991.797
- <i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>11.548.005</i>	<i>7.991.797</i>
- <i>Cổ phiếu ưu đãi</i>	-	-

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.

32. Lợi ích của cổ đông thiểu số

Lợi ích của cổ đông thiểu số thể hiện phần quyền lợi của các cổ đông thiểu số trong giá trị tài sản thuần của các Công ty con. Tình hình biến động lợi ích của cổ đông thiểu số như sau:

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	56.393.251.497	52.648.597.374
Lợi nhuận sau thuế của cổ đông thiểu số		7.258.645.909
Giảm do chia cổ tức, lợi nhuận	(3.720.160.000)	(3.200.000.000)
Giảm do thay đổi tỷ lệ sở hữu của Công ty mẹ	(51.035.988.989)	
Giảm do trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(437.102.508)	(313.991.786)
Số cuối năm	1.200.000.000	56.393.251.497

33. Nợ khó đòi đã xử lý

	Năm nay	Năm trước
Số đầu năm	8.092.639.768	8.092.639.768
Nợ khó đòi đã xử lý	-	-
Nợ khó đòi đã được thu hồi được	-	-
Số cuối năm	8.092.639.768	8.092.639.768

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH HỢP NHẤT

1. Doanh thu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	
	Năm nay	Năm trước
Tổng doanh thu	870.840.352.763	874.497.688.136
Doanh thu điện thương phẩm	23.317.142.925	23.126.814.419
Doanh thu hoạt động xây dựng	755.292.815.375	742.284.418.905
Doanh thu hoạt động khác	92.230.394.463	109.086.454.812
Các khoản giảm trừ doanh thu		
Doanh thu thuần	870.840.352.763	874.497.688.136
2. Giá vốn hàng bán		
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của điện thương phẩm đã cung cấp	7.644.624.014	7.242.380.496
Giá vốn của hoạt động xây dựng	679.938.615.433	661.282.100.666
Giá vốn của hoạt động kinh doanh khác	68.056.900.983	85.229.115.596
Cộng	755.640.140.430	753.753.596.758
3. Doanh thu hoạt động tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	308.233.911	477.051.607
Cổ tức và lợi nhuận được chia	-	993.600.000
Phí bảo lãnh	670.746.045	2.055.034.382
Lãi chậm trả	-	128.938.014
Lãi tài khoản ký quỹ	5.638.599	-
Lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện	7.344.377	-
Lãi chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	25.420.513	-
Lãi thu cho vay	768.864.818	-
Cộng	1.786.248.263	3.654.624.003
4. Chi phí tài chính		
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	21.264.805.958	28.841.047.494
Phí bảo lãnh	2.135.820.955	3.035.903.570
Lỗ chênh lệch tỷ giá đã thực hiện	4.971.239	-
Lỗ thanh lý công ty liên kết	2.913.100.054	-
Lỗ thanh lý các khoản đầu tư dài hạn khác	1.050.000.000	-
Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư	-	780.000.000
Hoàn nhập dự phòng	(210.000.000)	-
Chi phí tài chính khác	183.723.138	44.719.263
Cộng	27.342.421.344	32.701.670.327

ĐÃ KIỂM TRA
CHÍNH SÁCH
CƠ SỞ
ÁCH N
M T
A
TẠI
G D

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

5. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm nay	Năm trước
Chi phí nhân viên quản lý	36.085.938.032	35.643.876.412
Chi phí vật liệu quản lý	3.886.442.718	4.174.336.057
Chi phí đồ dùng văn phòng	1.050.132.591	1.428.322.788
Chi phí khấu hao TSCĐ	3.197.388.029	2.984.406.277
Thuế, phí và lệ phí	1.507.512.336	542.004.225
Chi phí dự phòng	7.400.800.522	207.825.129
Lợi thế thương mại	740.000.000	740.000.000
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.304.085.969	5.597.371.349
Chi phí bằng tiền khác	4.219.357.195	7.409.721.321
Cộng	68.391.657.392	58.727.863.558

6. Thu nhập khác

	Năm nay	Năm trước
Thu tiền nhượng bán, thanh lý tài sản cố định	944.485.091	1.037.636.364
Thu từ cấp hỗ trợ lãi suất sau đầu tư	826.671.581	1.537.739.098
Thu nhập từ cho thuê tài sản	132.143.872	
Phí bảo lãnh		161.817.140
Hoàn nhập trợ cấp mất việc làm		1.260.438.387
Hoàn nhập chi phí trích trước do trích thừa	32.763.196	272.973.734
Hoàn nhập quỹ đảng	406.986.698	
Thu tiền bồi thường bảo hiểm		48.938.920
Xử lý công nợ không phải trả	40.040.296	20.304.090
Thu nhập từ vật tư trả lại	45.209.318	
Hoàn nhập kinh phí công đoàn trích thừa	300.000.000	
Thu nhập khác	42.365.883	132.483.503
Cộng	2.770.665.935	4.472.331.236

7. Chi phí khác

	Năm nay	Năm trước
Giá trị còn lại tài sản cố định nhượng bán, thanh lý	-	1.014.259.868
Tiền phạt chậm nộp BH XH, phạt thuế, phạt vi phạm hành chính	3.217.250.972	776.424.348
Phạt do vi phạm hợp đồng	114.376.974	257.077.520
Phí bảo lãnh	-	180.783.566
Thuế GTGT không được khấu trừ	52.403.748	78.994.366
Chi phí vật tư trả lại	42.198.359	-
Xử lý công nợ	32.628.598	-
Chi phí khác	53.867.550	288.384.918
Cộng	3.512.726.201	2.595.924.586

8. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại

Là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

9. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

	Năm nay	Năm trước
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	15.367.054.033	25.091.057.902
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông:	-	-
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	15.367.054.033	25.091.057.902
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.548.005	7.991.797
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	1.331	3.140

Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm được tính như sau:

	Năm nay	Năm trước
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành đầu năm	7.991.797	7.991.797
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông mua lại	-	-
Ảnh hưởng của cổ phiếu phổ thông phát hành trong năm 2013	3.556.208	-
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong năm	11.548.005	7.991.797

VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ HỢP NHẤT

1. Các giao dịch không bằng tiền

Trong năm, Công ty Cổ phần Sông Đà 11 phát hành thêm 3.556.208 CP tương đương 35.562.080.000 VND để hoán đổi cổ phiếu của Công ty Cổ phần Sông Đà 11 – Thăng Long và Công ty Cổ phần Đầu tư và Xây lắp Sông Đà 11.

VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch với các bên liên quan

Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan

Các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám đốc và các thành viên mật thiết trong gia đình các cá nhân này.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tiền lương	1.089.267.076	1.372.198.517
Thù lao	288.000.000	424.000.000
Cộng	1.377.267.076	1.796.198.517

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giao dịch với các bên liên quan khác	
Các bên liên quan khác với Tập đoàn gồm:	
Bên liên quan	Mối quan hệ
Tổng Công ty Sông Đà	Công ty mẹ
Các công ty con của Tổng Công ty Sông Đà	Công ty con cùng công ty mẹ
Các giao dịch phát sinh trong năm giữa Tập đoàn với các bên liên quan khác như sau:	
	<u>Năm nay</u>
Tổng Công ty Sông Đà	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu xây lắp thực hiện	1.125.374.183
Thuế GTGT	112.537.418
Giao dịch mua hàng	
Phải trả tiền thuê kho, mua dịch vụ	82.958.340
Ứng trước tiền thi công công trình xây lắp	14.025.450.017
Phải trả tiền phí bảo lãnh tiền ứng	114.084.309
Tiền cổ tức phải trả	150.000.000
BDH dự án thủy điện Sơn La	
Doanh thu xây lắp thực hiện	3.433.318.606
Thuế GTGT	277.417.091
BDH dự án thủy điện Lai Châu	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu xây lắp thực hiện, doanh thu bán điện nước	46.557.185.766
Cho thuê nhà	1.565.455
Thuế GTGT	3.879.838.322
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn dịch vụ được cung cấp	106.040.912
Thuế GTGT	5.858.518
BDH dự án thủy điện Sêsan 4	
Doanh thu xây lắp thực hiện	783.889.638
Thuế GTGT đầu ra	78.388.962
BDH dự án thủy điện Xê ca măn 1	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu xây lắp thực hiện và doanh thu bán điện	11.766.372.284
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn dịch vụ được cung cấp	575.629.950
BDH dự án thủy điện Xê ca măn 3	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu xây lắp thực hiện	32.898.953.186
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn tiền thuê ca máy	343.526.364
Thuế GTGT	273.975



CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay
<i>BĐH dự án thủy điện Hòa Na</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện, doanh thu bán điện và cung cấp dịch vụ	6.393.914.618
Thuế GTGT	639.391.462
<i>BĐH dự án thủy điện Đồng Nai 5</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện và doanh bán điện	27.513.351.617
Thuế GTGT	2.790.147.953
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Phải trả phí bảo lãnh tiền ứng	99.829.174
Phải trả phí tổng thầu	916.356.570
Thuế GTGT	91.635.656
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 2</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện, nước	2.701.490.886
Thuế GTGT	646.674
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Chi phí thuê máy	1.627.285
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 3</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện	3.754.422.464
Thuế GTGT	361.959.330
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn thuê máy	19.481.241
Thuế GTGT	1.948.124
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 4</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện, nước	4.484.063.245
Thuế GTGT	29.793.929
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn thuê máy	41.028.302
Thuế GTGT	153.100
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 5</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu cho thuê nhà	9.112.727
Thuế GTGT đầu ra	911.273
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn thuê máy và mua vật tư	34.727.498
Thuế GTGT	3.472.751
Giá vốn giá trị bê tông hoàn thành	775.763.000
Thuế GTGT	77.576.300

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu bán điện, nước	4.661.298.987
Thuế GTGT	427.517.053
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn dịch vụ được cung cấp	1.976.773
Thuế GTGT đầu vào	197.677
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu bán điện	474.022.761
Thuế GTGT	54.220.458
Doanh thu cho thuê nhà	68.181.818
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn thuế máy	1.396.000
Thuế GTGT	139.600
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu bán điện, nước và lắp đặt hệ thống cấp nước	2.277.989.440
Thuế GTGT	143.907.442
Doanh thu cho thuê nhà	18.909.091
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn thuế máy và mua vật tư	571.194.409
Thuế GTGT	49.947.551
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	
Doanh thu bán điện, nước và lắp đặt hệ thống cấp nước	1.750.937.434
Thuế GTGT	116.631.642
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	
Giá vốn xây lắp hoàn thành	2.000.465.683
Thuế GTGT	200.046.568
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	
Phải trả phí bảo lãnh thực hiện hợp đồng	46.194.934
Giá trị xây lắp hoàn thành	3.187.528.231
Thuế GTGT	318.752.823
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	
Giao dịch bán hàng	
Doanh thu bán điện	327.333.756
Thuế GTGT	32.733.376
Giao dịch mua hàng	
Giá vốn phí bảo vệ an ninh công trường	24.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay
<i>Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện, nước	85.339.266
Thuế GTGT	6.367.230
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn thí nghiệm công trình	619.952.276
Thuế GTGT	61.995.227
<i>Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện	16.379.614
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn mua nguyên vật liệu	129.825.619
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội</i>	
Doanh thu bán điện, nước	186.889.044
Thuế GTGT	17.823.876
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 7.04</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán nước và lắp đặt hệ thống nước	1.084.092.686
Thuế GTGT	54.298.059
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn mua vật tư	18.134.815
Thuế GTGT	1.813.482
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện, nước	1.471.338.323
Thuế GTGT	110.265.104
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn thuê máy	2.589.885
Thuế GTGT	258.989
<i>Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	608.860.175
Thuế GTGT	60.886.017
<i>Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9</i>	
Doanh thu bán nước	54.389.976
Thuế GTGT	2.719.498
<i>Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1</i>	
Doanh thu bán điện	861.451.948
Thuế GTGT đầu ra	37.831.291
<i>Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He</i>	
Doanh thu xây lắp thực hiện	4.491.095.455
Thuế GTGT	449.109.545

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Năm nay
<i>Công ty TNHH Điện Xekaman 3</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện, nước	231.327.305
<i>Giao dịch mua hàng</i>	
Giá vốn tiền điện, tiền mua vật tư	1.957.404.709
<i>Công ty TNHH Điện Xekaman 1</i>	
<i>Giao dịch bán hàng</i>	
Doanh thu bán điện	133.690.319
<i>Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco</i>	
Doanh thu bán điện	46.811.772
Thuế GTGT	4.681.177
<i>Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình</i>	
Doanh thu bán điện	89.495.896
Thuế GTGT	8.949.589

Tại ngày kết thúc năm tài chính, công nợ với các bên liên quan khác như sau:

	Số cuối năm
Tổng Công ty Sông Đà	451.396.954
BDH dự án thủy điện Sơn La	5.179.940.236
BDH dự án thủy điện Lai Châu	15.863.832.461
BDH dự án thủy điện Sêsan 4	2.699.314.734
BDH dự án thủy điện Xê ca mản 1	12.755.293.255
BDH dự án thủy điện Xê ca mản 3	24.679.031.750
BDH dự án thủy điện Hủa Na	6.885.944.282
BDH dự án thủy điện Đồng Nai 5	15.352.712.100
BDH dự án thủy điện Pleikrong	34.209.514
Công ty Cổ phần Sông Đà 2	976.329.158
Công ty Cổ phần Sông Đà 3	601.470.101
Công ty Cổ phần Sông Đà 4	1.885.495.312
Công ty Cổ phần Sông Đà 6	509.643.101
Công ty Cổ phần Sông Đà 7	441.538.110
Công ty Cổ phần Sông Đà 9	166.655.445
Công ty Cổ phần Sông Đà 10	199.972.674
Công ty Cổ phần Điện Việt Lào	56.100.997
Công ty Cổ phần Thủy điện Nậm Chiến	189.013.624
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	69.023.332
Công ty Cổ phần Sông Đà - Hà Nội	81.659.309
Công ty Cổ phần Sông Đà 17	7.816.253
Công ty Cổ phần Sông Đà 7.05	6.076.364
Công ty Cổ phần Thủy điện Cao Nguyên - Sông Đà	6.401.953.321
Công ty Cổ phần Xây dựng và Đầu tư Sông Đà 9	68.297.726
Công ty Cổ phần Sông Đà 10.1	86.441.446
Công ty Cổ phần thủy điện Nậm He	816.695.000
Công ty TNHH MTV Xi Măng Hạ Long	732.354.681

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội

BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Số cuối năm
Công ty TNHH Điện Xekaman 1	347.031.232
Công ty TNHH MTV Kỹ thuật Công nghệ Someco	11.289.876
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	80.335.215
Cộng nợ phải thu	97.636.867.563

Tổng Công ty Sông Đà

Phải trả về phụ phí công trình Nậm Chiến	1.903.853
Ứng trước thi công công trình xây lắp	29.296.726.000
Phải trả về cung cấp dịch vụ	110.182.909
Tiền cổ tức phải trả	150.000.000

Phải trả về giá trị xây lắp hoàn thành và cung cấp dịch vụ với các công ty con của Tổng công ty Sông Đà

Công ty Cổ phần Sông Đà 3	4.796.615
Công ty Cổ phần Sông Đà 5	917.433.660
Công ty Cổ phần Sông Đà 12	3.376.758.427
Công ty Cổ phần Sông Đà 25	1.188.848.749
Công ty Cổ phần Tư vấn Sông Đà	403.575.477
Công ty Cổ phần Thép Việt Ý	8.472.109
Công ty Cổ phần Xi măng Sông Đà	5.592.212.947
Công ty Cổ phần Sông Đà 17	211.948.780
Công ty Cổ phần Someco Hòa Bình	2.894.466.265
Cộng nợ phải trả	44.157.325.791

Các khoản công nợ phải thu không có bảo đảm và sẽ được thanh toán bằng tiền. Không có khoản dự phòng phải thu khó đòi nào được lập cho các khoản nợ phải thu từ các bên liên quan.

2. Thông tin về bộ phận

Thông tin bộ phận được trình bày theo lĩnh vực kinh doanh và khu vực địa lý. Báo cáo bộ phận chính yếu là theo lĩnh vực kinh doanh.

Lĩnh vực kinh doanh

Tập đoàn có các lĩnh vực kinh doanh chính sau:

- Lĩnh vực xây lắp: Thực hiện thi công các công trình điện.
- Lĩnh vực ngoài xây lắp: Bán điện thương phẩm, cung cấp điện nước tại các công trình.

Thông tin về kết quả kinh doanh, tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và giá trị các khoản chi phí lớn không bằng tiền của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

Năm nay	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	755.292.815.375	115.547.537.388	-	870.840.352.763
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	-	-	-	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	755.292.815.375	115.547.537.388	-	870.840.352.763

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Kết quả kinh doanh theo bộ phận	75.354.199.942	39.846.012.391	-	115.200.212.333
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(68.391.657.392)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				46.808.554.941
Doanh thu hoạt động tài chính				1.786.248.263
Chi phí tài chính				(27.342.421.344)
Thu nhập khác				2.770.665.935
Chi phí khác				(3.512.726.201)
Phản lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				841.717.654
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(6.015.054.138)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại				30.068.923
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				15.367.054.033
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác				12.161.857.106
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn				15.325.583.849

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Năm trước				
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài	742.284.418.905	132.213.269.231	-	874.497.688.136
Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ giữa các bộ phận	87.950.568.182	670.724.924	(88.621.293.106)	-
Tổng doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	830.234.987.087	132.883.994.155	(88.621.293.106)	874.497.688.136

Kết quả kinh doanh theo bộ phận	81.002.318.239	39.741.773.139	-	120.744.091.378
Các chi phí không phân bổ theo bộ phận				(58.727.863.558)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh				62.016.227.820
Doanh thu hoạt động tài chính				3.654.624.003
Chi phí tài chính				(32.701.670.327)
Thu nhập khác				4.472.331.236
Chi phí khác				(2.595.924.586)

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Phần lãi hoặc lỗ trong công ty liên kết, liên doanh				1.945.561.110
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành				(4.566.656.577)
Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp				32.224.492.679
Tổng chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	1.256.093.200	3.674.821.848	-	4.930.915.048
Tổng chi phí khấu hao và phân bổ chi phí trả trước dài hạn	2.476.151.816	15.031.062.090	-	17.507.213.906

Tài sản và nợ phải trả của bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh của Tập đoàn như sau:

	Lĩnh vực xây lắp	Lĩnh vực ngoài xây lắp	Các khoản loại trừ	Cộng
Số cuối năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	376.970.101.901	40.354.649.569	-	417.324.751.470
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				474.627.909.089
Tổng tài sản				891.952.660.559
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	273.319.989.176	106.102.329.535	-	379.422.318.711
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				263.167.619.498
Tổng nợ phải trả				642.589.938.209
Số đầu năm				
Tài sản trực tiếp của bộ phận	364.968.912.806	28.646.055.246	-	393.614.968.052
Các tài sản không phân bổ theo bộ phận				464.766.453.524
Tổng tài sản				858.381.421.576
Nợ phải trả trực tiếp của bộ phận	238.913.490.107	109.212.622.201	-	348.126.112.308
Nợ phải trả không phân bổ theo bộ phận				261.611.635.560
Tổng nợ phải trả				609.737.747.868
Khu vực địa lý				

Hoạt động của Công ty được phân bổ chủ yếu ở khu vực trong nước và nước ngoài.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Chi tiết doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ ra bên ngoài theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của khách hàng như sau:

	Năm nay
Khu vực trong nước	815.698.674.035
Khu vực nước ngoài	55.141.678.728
Cộng	870.840.352.763

Chi tiết về chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác và tài sản bộ phận theo khu vực địa lý dựa trên vị trí của tài sản như sau:

	Chi phí đã phát sinh để mua tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	Tài sản bộ phận
Khu vực trong nước	12.161.857.106	842.328.767.811
Khu vực nước ngoài	-	49.623.892.748
Cộng	12.161.857.106	891.952.660.559

3. Thay đổi ước tính kế toán

Trong năm, Công ty mẹ giám thời gian khấu hao loại máy móc thiết bị bằng tài rã bể tổng từ 8 năm xuống 6 năm và khấu hao phương tiện vận tải các loại xe ô tô trộn bê tông là 8 năm vì thực tế sử dụng những năm qua cho thấy thời gian khấu hao các năm trước chưa hợp lý. Việc thay đổi thời gian khấu hao này làm cho chi phí khấu hao năm nay giảm 155.471.320 VND so với việc áp dụng thời gian khấu hao như năm trước.

4. Quản lý rủi ro tài chính

Tổng quan

Hoạt động của Tập đoàn phát sinh các rủi ro tài chính sau: rủi ro tín dụng, rủi ro thanh khoản và rủi ro thị trường. Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm trong việc thiết lập các chính sách và các kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro tài chính cũng như giám sát việc thực hiện các chính sách và các kiểm soát đã thiết lập. Việc quản lý rủi ro được thực hiện chủ yếu bởi Phòng Kế toán – Tài chính theo các chính sách và các thủ tục đã được Ban Tổng Giám đốc phê duyệt.

Rủi ro tín dụng

Rủi ro tín dụng là rủi ro mà một bên tham gia trong hợp đồng không có khả năng thực hiện được nghĩa vụ của mình dẫn đến tổn thất về tài chính cho Tập đoàn.

Tập đoàn có các rủi ro tín dụng phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng, tiền gửi ngân hàng.

Phải thu khách hàng

Tập đoàn giám thiểu rủi ro tín dụng bằng cách chi giao dịch với các đơn vị có khả năng tài chính tốt. Ngoài ra, nhân viên kế toán công nợ thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu hồi.

Khoản phải thu khách hàng của Tập đoàn liên quan đến nhiều đơn vị và cá nhân nên rủi ro tín dụng tập trung đối với khoản phải thu khách hàng là thấp.

Tiền gửi ngân hàng

Các khoản tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn của Tập đoàn được gửi tại các ngân hàng có uy tín do vậy rủi ro tín dụng đối với tiền gửi ngân hàng là thấp.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Mức độ rủi ro tín dụng tối đa đối với các tài sản tài chính là giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính (xem thuyết minh số VIII.5. về giá trị ghi sổ của các tài sản tài chính).

Bảng phân tích về thời gian quá hạn và giảm giá của các tài sản tài chính như sau:

Số cuối năm	Đã quá hạn			
	Chưa quá hạn hay chưa bị giảm giá	Chưa quá hạn nhưng bị giảm giá	Đã quá hạn nhưng không giảm giá	Đã quá hạn và/hoặc bị giảm giá
Tiền và các khoản trương đương tiền	76.062.872.703	-	-	- 76.062.872.703
Phải thu khách hàng	361.067.288.854	-	-	- 24.722.326.546 385.789.615.400
Các khoản phải thu khác	10.113.069.654	-	-	- 10.113.069.654
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000	-	- 24.452.000.000
Cộng	470.195.231.211	1.500.000.000	-	24.722.326.546 496.417.557.757
Số đầu năm				
Tiền và các khoản trương đương tiền	52.761.033.956	-	-	- 52.761.033.956
Phải thu khách hàng	344.953.838.734	-	-	- 797.494.432 345.751.333.166
Các khoản phải thu khác	17.879.664.483	-	-	- 17.879.664.483
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	22.952.000.000	1.500.000.000	-	- 24.452.000.000
Cộng	438.546.537.173	1.500.000.000	-	797.494.432 440.844.031.605

Rủi ro thanh khoản

Rủi ro thanh khoản là rủi ro Tập đoàn gặp khó khăn khi thực hiện nghĩa vụ tài chính do thiếu tiền.

Rủi ro thanh khoản của Tập đoàn chủ yếu phát sinh từ việc các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính có các thời điểm đáo hạn lệch nhau.

Tập đoàn quản lý rủi ro thanh khoản thông qua các biện pháp: thường xuyên theo dõi các yêu cầu về thanh toán hiện tại và dự kiến trong tương lai để duy trì một lượng tiền cũng như các khoản vay ở mức phù hợp, giám sát các luồng tiền phát sinh thực tế với dự kiến nhằm giảm thiểu ảnh hưởng do biến động của luồng tiền.

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Thời hạn thanh toán của các khoản nợ phải trả tài chính phi phái sinh (bao gồm cả lãi phải trả) dựa trên thời hạn thanh toán theo hợp đồng và chưa được chiết khấu như sau:

Số cuối năm	Số cuối năm	
	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm
Vay và nợ	162.361.768.611	23.478.393.197
Phải trả người bán	186.942.543.532	21.698.897.441
Các khoản phải trả khác	98.558.655.614	2.058.000.000
Cộng	447.862.967.757	47.235.290.638

Vay và nợ	147.169.454.836	28.072.406.220
Phải trả người bán	173.608.889.523	15.754.212.109
Các khoản phải trả khác	79.559.185.145	2.500.000.000
Cộng	400.337.529.504	46.326.618.329

Ban Tổng Giám đốc cho rằng mức độ rủi ro đối với việc trả nợ là thấp. Tập đoàn có khả năng thanh toán các khoản nợ đến hạn từ dòng tiền từ hoạt động kinh doanh.

Rủi ro thị trường

Rủi ro thị trường là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của giá thị trường.

Rủi ro thị trường liên quan đến hoạt động của Tập đoàn gồm: rủi ro ngoại tệ, rủi ro lãi suất, và rủi ro giá hàng hóa/nguyên vật liệu.

Rủi ro ngoại tệ

Rủi ro ngoại tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của tỷ giá hối đoái.

Tập đoàn quản lý rủi ro liên quan đến biến động của tỷ giá hối đoái bằng cách tối ưu thời hạn thanh toán các khoản nợ, dự báo tỷ giá ngoại tệ, lựa chọn thời điểm mua và thanh toán các khoản ngoại tệ tại thời điểm tỷ giá thấp, sử dụng tối ưu nguồn tiền hiện có để cân bằng giữa rủi ro tỷ giá và rủi ro thanh khoản.

Tài sản/(Nợ phải trả) thuần có gốc ngoại tệ của Tập đoàn như sau:

	Số cuối năm	
	USD	LAK
Tiền và các khoản tương đương tiền	482,01	500.001,00
Phải trả người bán	-	(678.575.389,59)
Các khoản phải trả khác	(100.000,00)	-
Nợ phải trả thuần có gốc ngoại tệ	(99.517,99)	(678.075.388,59)

Ban Tổng Giám đốc đánh giá mức độ ảnh hưởng do biến động của tỷ giá hối đoái đến lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu của Tập đoàn là không đáng kể do tỷ giá hối đoái tại thời điểm lập báo cáo tài chính biến động không đáng kể.

39815
HÀ NỘI
CÔNG
NHIỆM
TOÁN V
A &
AI HÀ
ĐA -

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Rủi ro lãi suất

Rủi ro lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc các luồng tiền trong tương lai của công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi của lãi suất thị trường.

Rủi ro lãi suất của Tập đoàn chủ yếu liên quan đến các khoản vay có lãi suất thả nổi.

Tập đoàn quản lý rủi ro lãi suất bằng cách phân tích tình hình thị trường để đưa ra các quyết định hợp lý trong việc chọn thời điểm vay và kỳ hạn vay thích hợp nhằm có được các lãi suất có lợi nhất cũng như duy trì cơ cấu vay với lãi suất thả nổi và có định phù hợp.

Các công cụ tài chính có lãi suất thả nổi của Tập đoàn là khoản vay ngắn hạn và dài hạn.

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2013, với giá định các biến số khác không thay đổi, nếu lãi suất các khoản vay VND có lãi suất thả nổi tăng/giảm 2%% thì lợi nhuận sau thuế và vốn chủ sở hữu năm nay của Tập đoàn sẽ giảm/tăng 2.787.602.427 VND.

Rủi ro về giá nguyên vật liệu

Tập đoàn có rủi ro về sự biến động của giá nguyên vật liệu. Tập đoàn quản lý rủi ro về giá nguyên vật liệu bằng cách theo dõi chặt chẽ các thông tin và tình hình có liên quan của thị trường nhằm quản lý thời điểm mua hàng, kế hoạch sản xuất và mức hàng tồn kho một cách hợp lý.

Tài sản đảm bảo

Tập đoàn không có tài sản tài chính thế chấp cho các đơn vị khác cũng như nhân tài sản thế chấp từ các đơn vị khác tại ngày 01 tháng 01 năm 2013 và tại ngày 31 tháng 12 năm 2013.

5. Giá trị hợp lý của tài sản và nợ phải trả tài chính

Tài sản tài chính

	Số cuối năm		Giá trị ghi sổ		Số đầu năm		Giá trị hợp lý	
	Giá gốc	Dự phòng	Dự phòng	Giá gốc	Giá gốc	Dự phòng	Số cuối năm	Số đầu năm
Tiền và các khoản tương đương tiền	76.062.872.703	-	-	52.761.033.956	-	-	76.062.872.703	52.761.033.956
Phải thu khách hàng	385.789.615.400	(9.028.982.728)	(9.028.982.728)	345.751.333.166	(797.494.432)	(797.494.432)	366.398.696.362	336.120.411.572
Các khoản phải thu khác	10.113.069.654	-	-	17.879.664.483	-	-	10.113.069.654	17.879.664.483
Tài sản tài chính sẵn sàng để bán	24.452.000.000	(570.000.000)	(570.000.000)	24.452.000.000	(780.000.000)	(780.000.000)	23.882.000.000	23.672.000.000
Cộng	496.417.557.757	(9.598.982.728)	(9.598.982.728)	440.844.031.605	(1.577.494.432)	(1.577.494.432)	476.456.638.719	430.433.110.011

Nợ phải trả tài chính

	Giá trị ghi sổ		Giá trị hợp lý	
	Số cuối năm	Số đầu năm	Số cuối năm	Số đầu năm
Vay và nợ	185.840.161.808	177.816.284.095	162.361.768.611	147.169.454.836
Phải trả người bán	208.641.440.973	189.363.101.632	208.641.440.973	189.363.101.632
Các khoản phải trả khác	100.616.655.614	82.059.185.145	100.616.655.614	82.059.185.145
Cộng	495.098.258.395	449.238.570.872	471.619.865.198	418.591.741.613

CÔNG TY CỔ PHẦN SÔNG ĐÀ 11

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà - Hà Đông, Km 10 đường Trần Phú, phường Văn Quán, Hà Đông, Hà Nội
BÁO CÁO TÀI CHÍNH HỢP NHẤT

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2013

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính hợp nhất (tiếp theo)

Giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính được phản ánh theo giá trị có thể được chuyển đổi trong một giao dịch hiện tại giữa các bên có đầy đủ hiểu biết và mong muốn giao dịch.

Tập đoàn sử dụng phương pháp và giả định sau để ước tính giá trị hợp lý của các tài sản tài chính và nợ phải trả tài chính:

- Giá trị hợp lý của tiền và các khoản tương đương tiền, phải thu khách hàng, các khoản phải thu khác, vay, phải trả người bán và các khoản phải trả khác ngắn hạn và dài hạn tương đương giá trị sổ sách (đã trừ dự phòng cho phần ước tính có khả năng không thu hồi được).
- Tập đoàn chưa thực hiện đánh giá chính thức các tài sản tài chính sẵn sàng để bán chưa niêm yết và không có giá giao dịch của 3 Công ty chứng khoán công bố. Tuy nhiên, Ban Tổng Giám đốc đánh giá giá trị hợp lý của các tài sản tài chính này không có sự khác biệt trọng yếu so với giá trị ghi sổ.

Người lập biểu

Phạm Thị Dung

Kế toán trưởng

Trần Văn Ngự

Hà Nội, ngày 18 tháng 3 năm 2014

Tổng Giám đốc



Nguyễn Văn Sơn

